

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC NGHỆ AN



PHƯƠNG AN CỔ PHẦN HÓA
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, Phan Đăng Lưu - TP Vinh - Tỉnh Nghệ An

- **Số điện thoại:** 0388.668.118
- **Fax:** 0388.668.118
- **Website:** <http://www.nawasco.com.vn/>

Nghệ An, ngày 31 tháng 10 năm 2015

MỤC LỤC

PHẦN I: KHÁI NIỆM	4
PHẦN II: TÌNH HÌNH CHUNG CỦA DOANH NGHIỆP TRƯỚC THỜI ĐIỂM CỔ PHẦN HÓA.....	5
I. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC NGHỆ AN	5
1. Giới thiệu chung về Công ty:	5
2. Lịch sử hình thành và phát triển doanh nghiệp.....	6
2.1. Các văn bản thành lập doanh nghiệp	6
2.2. Quá trình phát triển.....	6
3. Ngành nghề kinh doanh	10
4. Cơ cấu tổ chức và bộ máy hiện nay của Công ty	11
4.1. Cơ cấu tổ chức của Công ty.....	11
4.2. Chức năng, nhiệm vụ các phòng, ban, xí nghiệp:	13
4.2.1. Phòng Kinh doanh.....	13
4.2.2. Phòng Tổ chức - Hành chính.....	13
5. Tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh 3 năm trước cổ phần hóa.....	21
5.1. Tình hình hoạt động của Công ty 3 năm trước cổ phần hóa	21
5.1.1. Về hoạt động cấp nước.....	21
5.1.2. Về thị trường	22
5.1.3. Về chế độ, chính sách đối với người lao động.....	23
5.1.4. Về công nghệ sản xuất.....	24
5.1.5. Về hoạt động kiểm tra chất lượng dịch vụ.....	25
5.1.6. Về nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền	25
5.2. Tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh 3 năm trước cổ phần hóa.....	25
5.2.2. Cơ cấu doanh thu, chi phí của Công ty:	29
II. THỰC TRẠNG CỦA CÔNG TY TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP	31
1. Thực trạng về tài sản, nguồn vốn của Công ty.....	31
1.1. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn.....	31
1.2. Thực trạng về tài sản cố định.....	32
1.3. Thực trạng về tài chính, công nợ	33
1.3.1. Thực trạng về tài chính.....	33
1.3.2. Tình hình công nợ trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 30/06/2014	33
2. Thực trạng về lao động:	34
3. Thực trạng về đất đai đang sử dụng:	36
4. Các hợp đồng dịch vụ cấp nước lớn đang thực hiện, ký kết:	42
5. Các dự án Công ty triển khai.....	42
5.1. Các dự án Công ty đã và đang triển khai.....	42
5.2. Các dự án Công ty triển khai trong thời gian sắp tới	43
PHẦN III: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA	48
I. CƠ SỞ PHÁP LÝ ĐỀ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN.....	48
1. Cơ sở pháp lý.....	48
2. Hình thức cổ phần hóa.....	49
3. Mục tiêu cổ phần hóa.....	49
4. Yêu cầu cổ phần hóa	49
5. Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa:	49
II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA	52
1. Thông tin về doanh nghiệp sau cổ phần hóa:	52
1.1. Thông tin chung về doanh nghiệp.....	52
1.2. Ngành nghề kinh doanh.....	53
1.3. Hình thức pháp lý	54
1.4. Quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty	54
1.4.1. Quyền hạn của công ty	54
1.4.2. Nghĩa vụ của Công ty:.....	54
2. Vốn điều lệ, cơ cấu vốn điều lệ và đối tượng mua cổ phần và chính sách áp dụng.....	55
2.1. Vốn điều lệ, cơ cấu vốn điều lệ.....	55
2.2. Đối tượng mua cổ phần, chính sách bán cổ phần giá ưu đãi và việc bán cổ phần qua đấu giá.	56
2.2.1. Đối tượng mua cổ phần	56

2.2.2. Cổ phần bán ưu đãi cho CBCNV theo thời gian làm việc tại khu vực nhà nước.....	57
2.2.3. Cổ phần bán ưu đãi cho CBCNV cam kết làm việc lâu dài	57
2.2.4. Cổ phần bán cho Công đoàn Công ty	58
2.2.5. Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược	59
2.2.6. Cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài:.....	61
3. Phương án sử dụng đất	62
4. Phương án sắp xếp lại lao động.....	66
4.1. Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần.....	68
4.2. Chính sách giải quyết lao động dôi dư	69
4.3. Chính sách đối với người lao động khi chuyển sang công ty cổ phần.....	70
5. Chi phí cổ phần hóa:.....	71
6. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ bán cổ phần.....	71
7. Cơ cấu tổ chức bộ máy và quản lý điều hành sau cổ phần hóa	72
7.1. Mô hình tổ chức bộ máy khi chuyển thành Công ty cổ phần.....	72
7.2. Kế hoạch đào tạo:	74
8. Phương án đầu tư và chiến lược phát triển của Công ty sau khi cổ phần hóa	75
8.1. Cơ sở xây dựng chiến lược	75
- Căn cứ nhiệm vụ chính trị do UBND tỉnh Nghệ An giao cho Công ty;	75
- Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trước khi cổ phần hóa;	75
- Căn cứ vào nhu cầu thị trường nước sạch trong tương lai.....	75
8.2. Mục tiêu phát triển:.....	75
8.3. Chiến lược phát triển 5 năm sau khi cổ phần hóa:	76
8.3.1 Một số chỉ tiêu chủ yếu 5 năm sau cổ phần hóa	76
8.3.2. Các giải pháp thực hiện	76
a) Giải pháp về vốn.....	76
b) Giải pháp kỹ thuật.....	77
c) Giải pháp quản lý.....	78
d) Giải pháp về tổ chức sản xuất	78
e) Giải pháp về lao động, tiền lương	79
f) Giải pháp về công tác chính trị, tư tưởng, đoàn thể	79
9. Rủi ro dự kiến.....	80
9.1. Rủi ro kinh tế.....	80
9.1.1. Rủi ro tăng trưởng	80
9.1.2. Rủi ro lạm phát.....	81
9.1.3. Rủi ro lãi suất	82
9.2. Rủi ro về luật pháp.....	83
9.3 Rủi ro đặc thù	83
9.3.1. Rủi ro từ nguồn nước tự nhiên khai thác	83
9.3.2. Rủi ro thất thoát nước.....	83
9.3.3. Rủi ro về giá cả.....	83
9.3.4 . Rủi ro tài chính.....	84
9.4. Rủi ro của đợt chào bán	84
9.5. Rủi ro khác.....	84
10. Kế hoạch niêm yết, đăng ký giao dịch.....	84
PHẦN IV: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	88
MỤC LỤC TÀI LIỆU KÈM THEO PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA.....	90

PHẦN I: KHÁI NIỆM

Trong phương án này các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

- **Công ty:** Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Nghệ An được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900324240 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 04 tháng 04 năm 2014 (Đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 06 năm 2006).
- **Cổ phần:** Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
- **Cổ phiếu:** Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần cổ phần
- **Cổ đông:** Tổ chức hay cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần có đăng ký tên trong sổ đăng ký cổ đông
- **Cổ tức:** Khoản lợi nhuận ròng được trả bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại sau khi đã thực hiện nghĩa vụ tài chính
- **Vốn điều lệ:** Vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và được quy định tại Bản Điều lệ.


Các từ hoặc nhóm từ được viết tắt trong Phương án cổ phần hóa này có nội dung như sau:

- **TNHH:** Trách nhiệm hữu hạn
- **MTV:** Một thành viên
- **DT:** Doanh thu
- **CP:** Chi phí
- **GVHB:** Giá vốn hàng bán
- **QLDA:** Quản lý dự án
- **LNST:** Lợi nhuận sau thuế
- **HTK:** Hàng tồn kho
- **TC-HC:** Tổ chức hành chính
- **KH-KD:** Kế hoạch kinh doanh
- **XHCN** Xã hội chủ nghĩa
- **CBCNV:** Cán bộ công nhân viên
- **UBND:** Ủy ban nhân dân

PHẦN II: TÌNH HÌNH CHUNG CỦA DOANH NGHIỆP TRƯỚC THỜI ĐIỂM CỐ PHẦN HÓA

I. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC NGHỆ AN

1. Giới thiệu chung về Công ty:

- **Tên doanh nghiệp:** CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC NGHỆ AN
- **Tên Tiếng Anh:** NGHE AN WATER SUPPLY ONE-MEMBER LIMITED COMPANY
- **Tên viết tắt:** NAWASCO.,LTD
- **Vốn điều lệ theo ĐKKD:** 175.511.870.900 VNĐ (*Bằng chữ: Một trăm bảy mươi lăm tỷ, năm trăm mười một triệu, tám trăm bảy mươi nghìn, chín trăm đồng*)
- **Trụ sở chính:** Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
- **Số điện thoại:** 038 8668 118
- **Fax:** 038 8668 118
- **Website:** <http://www.nawasco.com.vn/>
- **Người đại diện:** Ông Nguyễn Xuân Thắng – Giám đốc Công ty
- **Tên địa điểm kinh doanh:**
 - Xí nghiệp cấp nước vùng phụ cận thành phố Vinh
 - Xí nghiệp cấp nước các đô thị miền Tây
 - Thành phố Vinh
- **Địa chỉ kinh doanh:**
 - Xóm 4, xã Nam Giang, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, Việt Nam
 - Xóm 7, xã Đông Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An
 - Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
- **Logo:**
- **Email:** capnuocna@gmail.com
- **Chủ sở hữu:** UBND tỉnh Nghệ An
- **Địa chỉ chủ sở hữu:** Số 3, đường Trường Thi, Phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

- Là đơn vị hạch toán kinh tế độc lập, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng, đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. Lịch sử hình thành và phát triển doanh nghiệp

2.1. Các văn bản thành lập doanh nghiệp

- Quyết định số 590 UB/QĐ ngày 15 tháng 3 năm 1995 về việc đổi tên Nhà máy nước Vinh thành Công ty Cấp nước Nghệ An
- Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2006 của UBND tỉnh Nghệ An về việc chuyển đổi Công ty cấp nước Nghệ An thành Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Nghệ An.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH một thành viên số 2900324240 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 04 tháng 04 năm 2014 (Đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 06 năm 2006)

2.2. Quá trình phát triển

Năm 1957, khi miền Bắc mới được giải phóng, Công ty TNHH Một thành viên cấp nước Nghệ An tiền thân là Nhà máy nước Vinh được thành lập. Công ty ban đầu chỉ có một cơ sở sản xuất với công suất nhỏ để cung cấp nước sạch cho khu trung tâm Thành phố Vinh. Trong điều kiện kinh tế khó khăn, khí hậu khắc nghiệt, điện, hoá chất thiếu thốn, công nhân viên chưa thông thạo nghề nghiệp... nhưng tất cả đã chung sức, chung lòng đảm bảo sản xuất để cung cấp nước sạch cho nhân dân.

Tám năm sau, những trận bom tàn khốc trong cuộc chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ đã biến Thành phố Vinh mới xây dựng thành bình địa. Ngành cấp nước đô thị Nghệ An cũng đã phải gánh chịu những gian truân vất vả đó và tập thể cán bộ, công nhân viên đã dũng cảm kiên cường bám máy vừa sản xuất, vừa chiến đấu cùng quân và dân Nghệ An chiến đấu chống trả sự tấn công ác liệt của giặc Mỹ, bảo vệ tài sản nhà máy để khi có điều kiện lại bắt tay ngay vào khôi phục sản xuất cung cấp nguồn nước sạch cho nhân dân.

Sau chiến tranh, nền kinh tế lại rơi vào tình trạng khó khăn, tốc độ phát triển đô thị và kinh tế chậm, sự tăng trưởng của Công ty cũng bị ảnh hưởng. Chỉ từ 20 năm gần đây, khi đất nước thực hiện công cuộc đổi mới, công nghiệp, dịch vụ được phát triển, đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện, tốc độ đô thị hoá nhanh... đã tạo điều kiện cho Ngành cấp nước đô thị ngày càng phát triển.

Năm 1995, UBND tỉnh Nghệ An đã có quyết định số 590 UB/QĐ ngày 15 tháng 3 năm 1995 về việc đổi tên Nhà máy nước Vinh thành Công ty Cấp nước Nghệ An, đồng thời giao nhiệm vụ mới cho Công ty mở rộng phạm vi hoạt động; tìm kiếm nguồn vốn đầu tư để mở rộng và nâng cấp hệ thống cấp nước tại thành phố Vinh và thị trấn các huyện trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Không chỉ chú trọng việc đảm bảo cung cấp nước cho Thành phố Vinh đang mở rộng từng ngày, Công ty còn quan tâm đến

việc đầu tư xây dựng nhà máy nước cho các thị trấn, thị xã. Mặc dù việc quản lý, vận hành những trạm cấp nước này thời kỳ ban đầu kém hiệu quả và nhận thức sử dụng nước sạch của người dân thậm chí có thể ảnh hưởng đến cả thu nhập chung của cán bộ, công nhân viên toàn Công ty, nhưng không vì thế mà chùn bước, bởi những việc làm đó thật sự có ý nghĩa đối với việc chăm lo đời sống của nhân dân và sự phát triển kinh tế xã hội và làm thay đổi bộ mặt cho các thị trấn các huyện miền Tây.

Vào thời điểm này, chất lượng nước máy đã được cải thiện rõ rệt, đảm bảo tiêu chuẩn phục vụ sức khỏe cho cộng đồng dân cư, góp phần đẩy lùi các dịch bệnh và nâng tầm văn minh đô thị cho thành phố Vinh. Công tác quản lý và dịch vụ luôn được tăng cường, cải tiến, luôn hướng tới mục tiêu sản xuất chất lượng và hiệu quả. Công tác quản lý rò rỉ trên mạng lưới tuyến ống đã được kịp thời khắc phục, doanh thu năm sau luôn cao hơn năm trước, vốn tài sản luôn được bảo toàn, hoàn thành chỉ tiêu nộp ngân sách hàng năm, đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ, công nhân viên không ngừng được cải thiện, không khí thi đua lao động sản xuất luôn sôi nổi, phong trào thể dục thể thao không ngừng phát triển. Song song với công tác sản xuất, Công ty luôn tham gia đầy đủ các công tác như an ninh quốc phòng, văn hoá và xã hội. Đây thực sự là bước tiến quan trọng, là niềm tự hào của ngành Cấp nước Đô thị Nghệ An trong xu thế thời đại mới.

Năm 1996, thực hiện chủ trương của UBND tỉnh Nghệ An về việc cấp nước cho thị trấn các huyện miền núi, Dự án cấp nước thị trấn 6 huyện Miền núi bằng nguồn vốn ODA của Chính phủ Hoàng gia Đan Mạch tài trợ. Dự án nhằm mục tiêu cung cấp nước sạch cho thị trấn các huyện gồm Đô Lương, Anh Sơn, Quỳnh Châu, Quỳnh Hợp, Tân Kỳ và Con Cuông với tổng công suất 6.500 m³/ngày đêm. Dự án đã góp phần cải thiện và nâng cao đời sống vật chất cũng như đời sống tinh thần của đại bộ phận nhân dân vùng miền Tây xứ Nghệ, góp phần, phát triển kinh tế - xã hội và tạo đà cho quá trình đô thị hóa.

Năm 2001, Dự án hoàn thành và đưa vào khai thác sử dụng. Theo đó đã hình thành Xí nghiệp cấp nước các Thị trấn Miền núi, nay là Xí nghiệp cấp nước các Đô thị Miền Tây trực thuộc Công ty. Hiện tại, xí nghiệp Cấp nước các Đô thị miền Tây đang vận hành và quản lý 9 hệ thống cấp nước thuộc vùng miền núi phía Tây tỉnh Nghệ An với tổng công suất hơn 10.000 m³/ngày đêm và tổng số lượng khách hàng dùng hơn 17.000 hộ.

Ngày 20/01/2006, theo Quyết định số 315/QĐ-UBND-ĐMDN của UBND tỉnh Nghệ An, trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty cấp nước Nghệ An, Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An thành lập và phát triển đến ngày nay.

Hiện tại, Công ty đã hoàn thành Dự án Cấp nước vùng phụ cận thành phố Vinh với công suất 20.000 m³/ngày đêm bằng nguồn vốn ODA của Chính phủ Phần Lan và vốn đối ứng của Tỉnh. Dự án nhằm giải quyết tình trạng thiếu nước sạch trầm trọng tại các vùng phụ cận thành phố Vinh, trong đó có mục tiêu phát triển Khu công nghiệp Nam Cẩm và một phần khu kinh tế Đông Nam Nghệ An cung cấp nước sạch cho các vùng thuộc địa bàn các xã Kim Liên và Nam Giang của huyện Nam Đàn, xã Hưng Tây của huyện Hưng Nguyên, các xã Nghi Kim, Nghi Liên và Hưng Đông của thành phố Vinh, các xã Nghi Long, Nghi Trung, Nghi Thuận, Nghi Vạn, Nghi Trường, Nghi Hoa, Nghi Long, Nghi Thịnh và thị trấn Quán Hành của huyện Nghi Lộc. Đồng thời, Công ty đang triển khai Dự án Cải tạo mạng giảm thất thoát nước bằng nguồn vốn của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) để nâng cấp Hệ thống mạng lưới cấp nước tại thành phố Vinh. Bên cạnh đó, để phát triển và dần dần hoàn thiện đội ngũ cán bộ quản lý và công nhân viên có tay nghề cao.

Với tiền thân Nhà máy nước Vinh công suất 1.200 m³/ngày đêm, mỗi năm chỉ cấp được 0,4 triệu m³ nước cung cấp cho các khu dân cư và công sở. Qua các thời kỳ, với sự hỗ trợ của các nước XHCN, nhà máy đã dần dần được mở rộng và nâng công suất. Đến nay, Công ty TNHH Một thành viên cấp nước Nghệ An đã đảm bảo cung cấp nước sạch để phục vụ nhân dân với phạm vi không chỉ cho thành phố Vinh mà còn cho các thị trấn, các huyện và các vùng phụ cận thành phố, đáp ứng thoả mãn nhu cầu sinh hoạt, dịch vụ và sản xuất công nghiệp của phần lớn đô thị Tỉnh nhà. Ngoài nhà máy nước Hưng Vĩnh với công suất 60.000 m³/ngày đêm, Công ty đang quản lý các nhà máy nước ở thị trấn các huyện Kỳ Sơn, Tương Dương, Con Cuông, Anh Sơn, Đô Lương, Tân Kỳ, Quỳnh Châu, Quỳnh Hợp, Thanh Chương, Nam Đàn, Hưng Nguyên với tổng công suất toàn Công ty gần 100.000 m³/ngày đêm.

Với truyền thống 58 năm xây dựng và trưởng thành, ngành cấp nước Đô thị Nghệ An luôn thủy chung song hành cùng với những thăng trầm của lịch sử dân tộc và hòa mình vào xu thế phát triển chung của thời đại, mang theo nhiều phiên hiệu qua các thời kỳ.

Năm 1957, nhà máy nước Vinh đầu tiên ra đời chỉ vồn vẹn chưa đầy 30 cán bộ, công nhân viên làm việc. Năm 1995, Công ty Cấp nước Nghệ An được thành lập với hơn 100 cán bộ, công nhân viên trong một bộ máy tổ chức Công ty hoàn chỉnh. Đến năm 2006, thực hiện chủ trương của Chính phủ và chỉ đạo của UBND tỉnh, Công ty lại được đổi tên thành Công ty TNHH Một thành viên cấp nước Nghệ An (NAWASCO) với gần 300 cán bộ, công nhân viên. Hiện nay, Công ty đã có 693 người đang ngày đêm miệt mài, hăng say sản xuất cấp nước cho mọi đối tượng sinh

sống trên địa bàn thành phố Vinh, 11 thị trấn miền Tây và vùng phụ cận đô thị thành phố Vinh.

Tổ chức Đảng từ Chi bộ Nhà máy nước Vinh trực thuộc Thành ủy Vinh nay là Đảng bộ Công ty TNHH Một thành viên cấp nước Nghệ An đã có 124 đảng viên trực thuộc Đảng bộ khối Doanh nghiệp Nghệ An. Với vai trò “hạt nhân chính trị cơ sở”, Đảng bộ luôn đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp về mọi mặt đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh phục vụ đời sống cán bộ, công nhân viên cũng như các hoạt động của tổ chức Công đoàn và Đoàn thanh niên Công ty. Liên tục nhiều năm liền, Đảng bộ đạt danh hiệu : “Trong sạch - Vững mạnh” và “Trong sạch - Vững mạnh tiêu biểu”, Công ty đạt danh hiệu “Tiên tiến xuất sắc”, Công đoàn Công ty đạt danh hiệu “Công đoàn Cơ sở xuất sắc”. Các tổ chức trong hệ thống chính trị nhiều năm liền đều được các tổ chức cấp trên tặng thưởng thành tích cao như: Bằng khen, Cờ thi đua hằng năm, Cờ thi đua 3 năm, 5 năm liên tục. Đạt được thành quả đó là nhờ sự lãnh đạo của Đảng ủy Công ty và phấn đấu của tập thể cán bộ, đảng viên, công nhân viên chức, lao động trong toàn Công ty.

Tổ chức Công đoàn Công ty với 693 đoàn viên sinh hoạt tại 14 Công đoàn bộ phận đã duy trì tốt việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của tổ chức, xây dựng công đoàn vững mạnh, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ tuyên truyền và giáo dục, vận động và tổ chức các phong trào thi đua yêu nước, phong trào sáng kiến tiết kiệm, luyện tay nghề, thi thợ giỏi, phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao, xây dựng và giữ vững danh hiệu “Cơ sở văn hóa”. Qua đó, góp phần quyết định trong việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị của Công ty và xứng đáng là lá cờ đầu trong tổ chức Công đoàn Ngành Xây dựng Nghệ An.

Đoàn thanh niên Công ty với 7 chi đoàn trực thuộc đại đa số đoàn viên đều được đào tạo cơ bản. Với tinh thần “Đâu cần thanh niên có - Đâu khó có thanh niên”, Đoàn thanh niên Công ty với vai trò lực lượng lao động trẻ luôn đi đầu trong các phong trào thi đua, đóng góp quan trọng trong mọi hoạt động của Công ty nói chung và các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở nói riêng. Trong những năm qua, Đoàn Công ty luôn được công nhận là “Đoàn Cơ sở xuất sắc trong hoạt động công tác Đoàn và phong trào Thanh thiếu niên” của Đoàn khối Doanh nghiệp tỉnh Nghệ An, xứng đáng là lực lượng hậu bị, kế cận tiếp tục phát huy truyền thống của Công ty. “Giữ vững và phát huy truyền thống xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh” là nhiệm vụ bao trùm tổng quát để đảm bảo cho sự nghiệp cấp nước đô thị trên địa bàn tỉnh Nghệ An mà ở đó Công ty TNHH Một thành viên cấp nước Nghệ An luôn đóng vai trò chủ đạo và tiên phong.

Bằng sự nỗ lực không ngừng trong suốt chặng đường 58 năm qua của bao thế hệ Ngành Cấp nước Đô thị Nghệ An và sau 25 năm sau khi đất nước bước vào thời kỳ đổi mới, sản phẩm nước máy của Công ty TNHH một thành viên cấp nước Nghệ An đã đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế - xã hội để hội nhập và đi lên của Tỉnh nhà, đồng thời tạo sự ổn định tâm lý cũng như đảm bảo sức khỏe cho nhân dân thành phố Vinh nói riêng và nhân dân tại các đô thị Nghệ An nói chung.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy chứng nhận ĐKKD số 2900324240 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 09/6/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 04/4/2014, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước (khai thác nước thô; sản xuất, cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác; sản xuất kinh doanh nước uống đóng chai)	3600 (Chính)
2	Hoạt động tư vấn thiết kế chuyên dụng (Tư vấn thiết kế, thẩm tra hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán công trình cấp thoát nước)	7410
3	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Công trình công nghiệp, thủy lợi, đường dây và trạm biến áp)	4390
4	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
5	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
6	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí và công nghệ nhà máy sản xuất nước	4322
7	Hoạt động tư vấn quản lý (Lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu và quản lý dự án công trình cấp thoát nước)	7020
8	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Đầu tư kinh doanh địa ốc, nhà ở chung cư, dịch vụ quản lý chung cư và cao ốc văn phòng)	6810
9	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình cấp thoát nước đến cấp 3)	7110

10	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Xây dựng các công trình cấp thoát nước, hạ tầng kỹ thuật)	4290
11	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu chuyên ngành cấp thoát nước	2599
12	Xây dựng nhà các loại	4100
13	Lắp đặt hệ thống điện	4321
14	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (Mua bán vật liệu xây dựng và vật tư thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước)	4752
15	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (Lắp đặt hệ thống phòng, chữa cháy; trụ cứu hỏa)	4329
16	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chuyên ngành cấp thoát nước	4663

4. Sản phẩm dịch vụ chính của Công ty:

- Sản xuất kinh doanh nước sạch cung cấp cho các đối tượng sử dụng là người dân, các tổ chức hành chính sự nghiệp, các doanh nghiệp sản xuất và dịch vụ
- Lắp đặt, sửa chữa đường ống, đồng hồ và các sản phẩm cơ khí thiết bị chuyên dùng cho ngành nước
- Thiết kế thi công, lắp đặt các trạm bơm nhỏ và đường ống cấp nước với quy mô vừa theo yêu cầu của khách hàng

5. Cơ cấu tổ chức và bộ máy hiện nay của Công ty

5.1. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty hiện nay theo mô hình Công ty TNHH nhà nước MTV gồm có:

- Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc do UBND tỉnh Nghệ An bổ nhiệm có thời hạn
- Phó Giám đốc Công ty bao gồm 2 người do Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty bổ nhiệm có thời hạn. Phó Giám đốc giúp Giám đốc Công ty điều hành Công ty theo phân công và ủy quyền của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về nhiệm vụ được Giám đốc phân công hoặc ủy quyền.
- Các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ có chức năng tham mưu, giúp chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc trong quản lý điều hành công việc, nhằm đảm bảo cho việc quản lý tổ chức, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có hiệu quả và đúng pháp luật. Bao gồm:

+ 04 phòng trực thuộc: : - Phòng Tổ chức - Hành chính

- Phòng Kinh doanh
- Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật
- Phòng Tài vụ

+ 03 Ban:

- Ban quản lý dự án cải tạo mạng giảm thất thoát nước thành phố Vinh (giai đoạn 1)
- Ban quản lý dự án cấp nước vùng phụ cận thành phố Vinh
- Ban Thanh tra

+ 03 Xí nghiệp:

- Xí nghiệp xây lắp nước
- Xí nghiệp cấp nước vùng phụ cận thành phố Vinh, quản lý 05 trạm trực thuộc (bao gồm: Trạm dịch vụ cấp nước số 1, số 2, số 3; Trạm cấp nước Cầu Bạch; Trạm cấp nước Nam Đàn)
- Xí nghiệp cấp nước các đô thị miền Tây, quản lý 09 trạm cấp nước trực thuộc bao gồm:
 - Trạm Kỳ Sơn
 - + Trạm Tương Dương
 - + Trạm Con Cuông
 - + Trạm Anh Sơn
 - + Trạm Đô Lương
 - + Trạm Thanh Chương
 - + Trạm Tân Kỳ
 - + Trạm Quỳnh Hợp
 - + Trạm Quỳnh Châu

+ Trung tâm cấp nước sạch Hưng Nguyên

+ Nhà máy nước Hưng Vĩnh

+ 5 Chi nhánh dịch vụ cấp nước: số 1, số 2, số 3, số 4, số 5.

5.2. Chức năng, nhiệm vụ các phòng, ban, xí nghiệp:

5.2.1. Phòng Kinh doanh

Chức năng:

- Tham mưu cho Giám đốc về quản lý khách hàng và kết quả khối lượng sản phẩm
- Thực hiện công tác quản lý công nợ trong toàn công ty
- Quản lý đội thu ngân tại địa bàn thành phố Vinh, với tiêu chí; thu đúng, thu đủ, thu kịp thời sản phẩm nước sạch đã tiêu thụ hàng tháng.
- Chịu trách nhiệm trước Giám đốc về tổ chức thực hiện công tác quản lý công nợ đúng chế độ chính sách và pháp luật của nhà nước.

Nhiệm vụ:

- Căn cứ vào nhiệm vụ Công ty giao hàng năm, cung cấp số liệu về tình hình tiêu thụ nước sạch, thống kê khách hàng làm cơ sở xây dựng kế hoạch tổ chức SXKD. Đảm bảo nguồn tài chính cho Công ty phát triển SXKD
- Phân công cụ thể chức năng, nhiệm của các thành viên, quản lý sổ sách, tài liệu ghi chép rõ ràng, đầy đủ, đảm bảo tính chính xác cũng như tính trung thực của từng nghiệp vụ phát sinh.
- Thực hiện chế độ báo cáo, lập báo cáo gửi ban Lãnh đạo Công ty cùng các cơ quan quản lý kịp thời, đầy đủ
- Phối hợp với các bộ phận trong Công ty để giải quyết kịp thời chế độ, quyền lợi của người lao động cũng như của doanh nghiệp
- Lãnh đạo đội thu ngân với phương châm: Bám sát địa bàn, thu đúng, thu đủ, thu kịp thời sản phẩm nước sạch của Công ty, không để tiền vốn Công ty tồn đọng trong khách hàng.
- Nâng cao tinh thần làm chủ tập thể, lao động tự giác, sáng tạo, có kỷ luật, có kỹ thuật để chất lượng phục vụ khách hàng ngày càng được nâng cao, mỗi một nhân viên thu ngân thực sự là một tuyên truyền viên để khách hàng ngày càng hiểu biết và sử dụng dịch vụ cấp nước nhiều hơn, thiện chí hơn.

5.2.2. Phòng Tổ chức - Hành chính

Chức năng:

- Là phòng nghiệp vụ tham mưu cho Lãnh đạo Công ty về công tác tổ chức cán bộ, lao động tiền lương, Bảo hiểm xã hội, tổ chức hành chính quản trị, công tác bảo vệ.

- Chịu trách nhiệm trước Ban Giám đốc về công việc được phụ trách.

Nhiệm vụ:

- Căn cứ vào nhiệm vụ chung của Công ty, lập kế hoạch tổ chức bộ máy, tổ chức tuyển dụng, sắp xếp nhân lực, đào tạo nhân lực (đào tạo nội bộ), tổ chức thi tuyển nâng bậc ... theo sự chỉ đạo của Giám đốc Công ty.

- Tổ chức thực hiện công tác cán bộ, quản lý hồ sơ lý lịch theo phương pháp khoa học, làm thống kê báo cáo theo quy định.

- Tổ chức thực hiện tốt công tác bảo vệ, quan hệ chặt chẽ với các tổ chức Đảng, chính quyền địa phương, với các bộ phận trong đơn vị để phối hợp công tác trong công việc có liên quan và làm tốt công tác trật tự an ninh trên địa bàn và trong cơ quan.

- Tổ chức thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước, của ngành đối với mọi thành viên trong Công ty.

- Phối hợp với các đoàn thể quần chúng tổ chức phong trào thi đua, các đợt học tập thời sự, chính trị, chính sách, văn hoá, ngoại ngữ để nâng nghiệp vụ chuyên môn, tinh thần trách nhiệm và thái độ phục vụ.

- Nắm tình hình, tâm tư nguyện vọng của người lao động trong Công ty để đề xuất Giám đốc xem xét giải quyết.

- Tổng hợp, đánh giá kết quả Thi đua - Khen thưởng - Kỷ luật trong toàn Công ty.

- Phối hợp với các đơn vị trong Công ty làm tốt công tác phòng chống cháy nổ, an toàn vệ sinh lao động.

- Tham mưu xây dựng các Quy chế nội bộ về lao động - tiền lương.

- Xây dựng các văn bản hướng dẫn, theo dõi đôn đốc việc thực hiện của các đơn vị về chế độ chính sách lao động, tiền lương theo quy định của Nhà nước và của Công ty.

- Thực hiện chế độ lương và chế độ chính sách đối với cán bộ, viên chức trong Công ty, đồng thời theo dõi Quy chế trả lương cho cán bộ CNV trong toàn Công ty.

- Tham mưu cho Lãnh đạo Công ty và thực hiện các công việc về BHXH, BHYT, BHTN.

- Giải quyết chế độ BHXH về ốm đau, thai sản, nghỉ dưỡng sức cho người lao động.

- Xây dựng, quản lý các phần mềm công nghệ thông tin và áp dụng trong công tác quản lý của doanh nghiệp.

5.2.3. Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật

Chức năng:

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. Tổng hợp kế hoạch từ các đơn vị và theo dõi thực hiện.

- Quản lý kỹ thuật hệ thống cấp nước, các công trình XD/CB liên quan thuộc thẩm quyền Công ty quản lý; thực hiện các công tác tư vấn thiết kế, giám sát, thẩm định các công trình cấp, thoát nước trong và ngoài tỉnh

- Tham mưu Giám đốc Công ty về đầu tư, phát triển mở rộng mạng lưới cấp nước, phát triển các trạm, nhà máy.
- Quản lý áp lực lưu lượng trên mạng lưới cấp nước, quản lý tài sản mạng thiết bị trên mạng lưới đường ống cấp 1 cấp 2, dò tìm rò rỉ mạng lưới.

Nhiệm vụ:

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn hạn, dài hạn của toàn Công ty theo chỉ đạo của Chủ tịch, Giám đốc Công ty; hướng dẫn các đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch hàng năm.
- Thiết kế kỹ thuật các công trình mở rộng, cải tạo mạng lưới cấp nước của Công ty.
- Kiểm tra tổng hợp kế hoạch sản xuất kinh doanh; phân tích dự đoán khả năng hoàn thành kế hoạch, tỷ lệ tăng trưởng hàng năm; Trình Giám đốc xét duyệt tỷ lệ hoàn thành kế hoạch của đơn vị.
- Nghiên cứu cải tiến công nghệ đang sản xuất để nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm; Quản lý các định mức kỹ thuật.
- Quản lý, kiểm tra, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc Công ty thực hiện đúng quy trình kỹ thuật trong xây dựng, phát triển mở rộng.
- Thực hiện công tác quản lý đầu tư XD/CB, phối hợp cùng các đơn vị trong và ngoài Công ty triển khai các Dự án do Công ty là chủ đầu tư hoặc Công ty là nhà thầu thi công.
- Quản lý kỹ thuật mạng lưới cấp nước. Giám sát việc thi công, lắp đặt, cải tạo các công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Vinh.
- Quản lý kỹ thuật các thiết bị máy móc phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Xây dựng và quản lý hệ thống để theo dõi áp lực và lưu lượng trên mạng lưới đường ống.
- Tham mưu cho Giám đốc Công ty về chế độ vận hành của trạm bơm cấp 2 và các trạm bơm tăng áp. Trực tiếp điều hành lưu lượng, áp lực theo chế độ được Giám đốc duyệt;
- Lập kế hoạch bảo dưỡng ngắn hạn (hàng năm), trung hạn (5 năm) và dài hạn (10 năm);
- Đưa ra phương án xử lý khắc phục sự cố trên hệ thống mạng lưới chuyển dẫn và giám sát việc thực hiện;
- Tham gia các hoạt động tư vấn chuyên ngành cấp và thoát nước
- Các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Giám đốc Công ty.

5.2.4. Phòng Tài vụ

Chức năng:

- Là phòng nghiệp vụ, chịu sự Lãnh đạo trực tiếp của Giám đốc Công ty, với 2 chức năng chính.

- Hạch toán công tác thống kê kế toán trong toàn đơn vị, quản lý tài chính, tài sản, vật tư tiền vốn của nhà nước cũng như của Công ty đảm bảo đúng chế độ của nhà nước.

- Chịu trách nhiệm trước Giám đốc về tổ chức thực hiện công tác quản lý tài chính đúng chế độ chính sách và pháp luật của nhà nước, đảm bảo hài hoà 3 lợi ích (nhà nước, doanh nghiệp, người lao động)

Nhiệm vụ:

- Căn cứ vào nhiệm vụ Công ty giao hàng năm, lập kế hoạch tổ chức thực hiện công tác thống kê, kế toán tại phòng và các đơn vị phụ thuộc. Đảm bảo nguồn tài chính cho Công ty phát triển SXKD và thực hiện các kế hoạch tái đầu tư mở rộng sản xuất.

- Tổ chức thực hiện công tác thống kê kế toán khoa học, phân công cụ thể chức năng, nhiệm vụ của các thành viên trong bộ phận phòng quản lý, sổ sách, tài liệu kế toán phải ghi chép rõ ràng, đầy đủ, đảm bảo tính chính xác cũng như tính trung thực của từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

- Xây dựng tác phong làm việc nhanh nhẹn, giải quyết công việc được giao khoa học, đảm bảo quy chế tài chính của doanh nghiệp cũng như của nhà nước quy định.

- Xây dựng nền tài chính của Công ty phát triển bền vững và lành mạnh, quy trình thu, chi và quản lý tài sản, vật tư tiền vốn của Công ty đều phải được chủ tài khoản kiểm tra và phê duyệt.

- Thực hiện các chế độ nộp ngân sách, trích nộp các khoản bảo hiểm cũng như tiền lương, tiền thưởng, chế độ ngày lễ, ngày tết, chế độ ốm đau, thai sản của người lao động đầy đủ, kịp thời.

- Thực hiện chế độ báo cáo, lập báo cáo gửi ban Lãnh đạo Công ty cũng các cơ quan quản lý kịp thời, đầy đủ.

- Phối hợp với các bộ phận trong Công ty để giải quyết kịp thời chế độ, quyền lợi của người lao động cũng như của doanh nghiệp.

- Quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận trong phòng kế toán. Xây dựng phương pháp làm việc khoa học, nâng cao ý thức trách nhiệm và tinh thần làm chủ của từng bộ phận, từng cá nhân trong phòng. Xây dựng mối đoàn kết nội bộ tốt, phát huy tinh thần dân chủ tập trung, giúp đỡ nhau cùng hoàn thành nhiệm vụ được giao.

5.2.5. Ban Thanh tra

Chức năng:

- Là Ban nghiệp vụ, chịu sự Lãnh đạo trực tiếp của Giám đốc Công ty

- Chịu trách nhiệm trước Giám đốc về tổ chức thực hiện công tác kiểm tra giám sát khách hàng sử dụng nước.
- Tiếp nhận và xử lý thông tin khách hàng.
- Rà soát chuyển đổi mục đích sử dụng nước của khách hàng.

Nhiệm vụ:

- Căn cứ vào nhiệm vụ chung của Công ty, lập kế hoạch công tác kiểm tra giám sát khách hàng sử dụng nước.
- Thanh tra, kiểm tra những hành vi, vi phạm trong nội bộ và ngoài công ty (Kể cả khách hàng và không phải khách hàng) liên quan đến công việc quản lý mạng cấp nước của Công ty.
- Thực hiện những nhiệm vụ của Giám đốc Công ty giao trực tiếp và báo cáo kết quả tình hình hoạt động của Ban theo định kỳ .
- Xử lý đơn thư khiếu nại của khách hàng và của cán bộ công nhân viên trong Công ty. Phối hợp cùng các phòng ban, Chi nhánh trong công tác kiểm tra xử lý vi phạm của khách hàng.
- Tham mưu cho Giám đốc trong công tác quản lý khách hàng và quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh trong Công ty.

5.2.6. Các Chi nhánh dịch vụ cấp nước

Chức năng:

- Là Chi nhánh dịch vụ cấp nước, chịu sự Lãnh đạo trực tiếp của Giám đốc Công ty,
- Chịu trách nhiệm trước Giám đốc công ty về thực hiện dịch vụ cấp nước tại địa bàn Chi nhánh quản lý.

Nhiệm vụ:

- Quản lý, ghi khối lượng tiêu thụ nước của khách hàng bao gồm các hộ cơ quan và dân cư đóng trên địa bàn chi nhánh quản lý. Lắp đặt, cải tạo, sửa chữa toàn bộ hệ thống ống cấp 3, ống nhánh và đồng hồ đo nước trên địa bàn các phường, xã.
- Tiếp nhận và hướng dẫn khách hàng làm thủ tục lắp đặt sử dụng nước máy trên địa bàn.
- Khảo sát, thiết kế và lập hồ sơ quyết toán (theo đơn giá, định mức của cấp có thẩm quyền phê duyệt và ban hành).
- Nhập số liệu chỉ số công tơ nước hàng tháng của khách hàng.
- Thi công lắp đặt đầu nối mới cho khách hàng, lập biên bản nghiệm thu lắp đặt có xác nhận của khách hàng.
- Sửa chữa, cải tạo các tuyến ống mạng cấp 3, các ống nhánh vào các hộ sử dụng nước, thi công một số tuyến ống theo sự phân công của Công ty.
- Ghi công tơ nước, quản lý địa bàn và chăm sóc khách hàng trên địa bàn chi nhánh quản lý.

- Kiểm tra đồng hồ khi khách hàng đề nghị (trường hợp khách hàng không chấp nhận, chi nhánh lập biên bản có xác nhận của khách hàng và niêm phong gửi Trung tâm kiểm định để kiểm tra chất lượng)

- Quản lý nhân lực lao động và các thiết bị, tài sản do công ty trang cấp.

- Phối hợp với các phòng ban, đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện dịch vụ cấp nước trên địa bàn đạt hiệu quả cao.

- Phối hợp với phòng KHKT quản lý các tuyến ống cấp 1, cấp 2 như: phát hiện rò rỉ, sự cố... các hiện tượng vi phạm quy chế quản lý mạng báo cáo công ty kịp thời để xử lý, giám sát, sử dụng nước các hạng cứu hoả thuộc địa bàn chi nhánh quản lý.

- Triển khai thực hiện tốt quy chế tổ chức và hoạt động SXKD của công ty.

5.2.7. Xí nghiệp cấp nước vùng phụ cận TP.Vinh

Chức năng:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước (khai thác nước thô; sản xuất, cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác).

Nhiệm vụ:

- Quản lý bảo vệ toàn bộ tài sản thuộc hệ thống cấp nước vùng phụ cận thành phố Vinh do nhà nước đầu tư và các tài sản khác do Công ty đầu tư xây dựng.

- Vận hành, bảo dưỡng toàn bộ các hệ thống đường ống cấp nước, máy móc, thiết bị các Trạm sản xuất.

- Tham gia lắp đặt mạng ống cấp 3 và đấu nối từ đồng hồ về trước theo thiết kế được duyệt hoặc có điều chỉnh theo thực tế hiện trường, đẩy nhanh tốc độ phát triển khách hàng.

- Thừa uỷ quyền Giám đốc Công ty về việc lập và quản lý hợp đồng sử dụng nước.

- Quản lý điều hành nhân lực theo các điều khoản của Luật lao động và các điều cam kết trong Hợp đồng lao động đã ký.

- Giải quyết các chế độ tiền lương, tiền thưởng, xử lý kỷ luật lao động theo quy định của Công ty và Bộ luật Lao động.

- Xí nghiệp thực hiện hạch toán báo số, Kế toán xí nghiệp chịu sự điều hành của Giám đốc XN và Kế toán trưởng Công ty.

- Các chức danh phụ trách cấp dưới, thừa uỷ quyền của Lãnh đạo cấp trên trong việc tiếp xúc quan hệ công tác với cơ quan địa phương các cấp từ Huyện đến Xã - Thị - Khó - Xóm về những vấn đề có liên quan.

5.2.8. Xí nghiệp cấp nước các đô thị Miền Tây

Chức năng:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước (khai thác nước thô; sản xuất, cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác).

Nhiệm vụ:

- Quản lý bảo vệ toàn bộ tài sản thuộc hệ thống cấp nước các đô thị Miền Tây do nhà nước đầu tư và các tài sản khác do Công ty TNHH MTV cấp nước Nghệ An đầu tư xây dựng.

- Vận hành, bảo dưỡng toàn bộ các hệ thống đường ống cấp nước, máy móc, thiết bị các trạm sản xuất.

- Tham gia lắp đặt mạng ống cấp 3 và đấu nối từ đồng hồ về trước theo thiết kế được duyệt hoặc có điều chỉnh theo thực tế hiện trường, đẩy nhanh tốc độ phát triển khách hàng.

- Thừa uỷ quyền Giám đốc Công ty, lập và quản lý hợp đồng sử dụng nước.

- Quản lý điều hành nhân lực theo các điều khoản của Luật lao động và các điều cam kết trong hợp đồng lao động đã ký.

- Giải quyết các chế độ tiền lương, tiền thưởng, xử lý kỷ luật lao động theo quy định của Công ty và Bộ luật Lao động.

- Xí nghiệp thực hiện hạch toán báo sổ, Kế toán xí nghiệp chịu sự điều hành của Giám đốc Xí nghiệp và Kế toán trưởng Công ty.

- Các chức danh phụ trách cấp dưới, thừa uỷ quyền của Lãnh đạo cấp trên trong việc tiếp xúc quan hệ công tác với cơ quan địa phương các cấp từ Huyện đến Xã - Thị - Khối - Xóm về những vấn đề có liên quan.

5.2.9. Xí nghiệp xây lắp nước

Chức năng:

- Tìm kiếm, đấu thầu, thi công các công trình xây dựng, giao thông, thuỷ lợi, cấp thoát nước và các công trình điện năng.

- Tham gia lắp đặt, cải tạo mạng cấp nước trong và ngoài thành phố.

Nhiệm vụ:

- Thừa uỷ quyền của Giám đốc Công ty tham gia đấu thầu các công trình, ký kết hợp đồng và thi công lắp đặt các công trình xây dựng, giao thông, thuỷ lợi, cấp thoát nước, điện năng.

- Thi công lắp đặt, cải tạo mạng cấp nước trong và ngoài Thành phố.

- Quản lý điều hành nhân lực theo các điều khoản của Luật lao động và các điều cam kết trong Hợp đồng lao động đã ký.

- Giải quyết các chế độ tiền lương, tiền thưởng, xử lý kỷ luật lao động theo đúng quy định của Công ty và Bộ luật Lao động.

- Xí nghiệp thực hiện hạch toán báo sổ, Kế toán xí nghiệp chịu sự điều hành của Giám đốc Xí nghiệp và Kế toán trưởng Công ty.

- Các chức danh phụ trách cấp dưới, thừa uỷ quyền của Lãnh đạo cấp trên trong việc tiếp xúc quan hệ công tác với Chủ đầu tư và các Nhà thầu phụ.

5.2.10. Ban QLDA cải tạo mạng giảm thất thoát nước - TP Vinh (Gđoạn 1).

Chức năng:

- Ban QLDA là ban nghiệp vụ, chịu sự Lãnh đạo trực tiếp của Giám đốc Công ty;

- Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty về tổ chức thực hiện các Dự án do Công ty giao.

Nhiệm vụ:

- Lập kế hoạch thực hiện dự án;

- Quản lý quá trình thực hiện dự án;

- Thực hiện các hoạt động đấu thầu và quản lý hợp đồng;

- Quản lý tài chính tài sản và giải ngân;

- Công tác hành chính, điều phối và trách nhiệm giải trình;

- Công tác theo dõi, đánh giá và báo cáo tình hình thực hiện Dự án;

- Công tác nghiệm thu, bàn giao, quyết toán Dự án;

- Các nhiệm vụ khác (ngoài nhiệm vụ ở trên, Ban QLDA có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ khác khi Giám đốc Công ty yêu cầu).

5.2.11. Trung tâm cấp nước sạch Hưng Nguyên

Chức năng:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước (khai thác nước thô; sản xuất, cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác).

Nhiệm vụ:

- Quản lý bảo vệ toàn bộ tài sản thuộc hệ thống cấp nước Hưng Nguyên do nhà nước đầu tư và các tài sản khác do Công ty TNHH 1 TV cấp nước Nghệ An đầu tư xây dựng.

- Vận hành, bảo dưỡng toàn bộ các hệ thống đường ống cấp nước, máy móc, thiết bị sản xuất.

- Tham gia lắp đặt mạng ống cấp 3 và đấu nối từ đồng hồ về trước theo thiết kế được duyệt hoặc có điều chỉnh theo thực tế hiện trường, đẩy nhanh tốc độ phát triển khách hàng.

- Quản lý điều hành nhân lực theo các điều khoản của Luật lao động và các điều cam kết trong Hợp đồng lao động đã ký.

- Giải quyết các chế độ tiền lương, tiền thưởng, xử lý kỷ luật lao động theo quy định của Công ty và Bộ luật Lao động.

- Các chức danh phụ trách cấp dưới, thừa uỷ quyền của Lãnh đạo cấp trên trong việc tiếp xúc quan hệ công tác với cơ quan địa phương các cấp từ Huyện đến Xã - Thị - Khôi - Xóm về những vấn đề có liên quan.

5.2.12. Nhà máy nước Hưng Vĩnh

Chức năng:

- Sản xuất cấp nước sạch, phục vụ đời sống nhân dân và các cơ sở sản xuất công nghiệp, cơ quan, trường học...trên địa bàn Thành phố Vinh.

Nhiệm vụ:

- Quản lý và sử dụng hiệu quả toàn bộ tài sản thuộc hệ thống dây chuyền cấp nước 2 vạn và 4 vạn do Nhà nước đầu tư và các tài sản khác do Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An đầu tư xây dựng.

- Quản lý điều hành nhân lực theo các điều khoản của Luật lao động và các điều cam kết trong hợp đồng lao động đã ký.

- Vận hành hệ thống các máy móc, thiết bị Nhà máy. Xây dựng kế hoạch và thực hiện kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng cơ sở vật chất hạ tầng, máy móc thiết bị Nhà máy và các trạm sản xuất, trên cơ sở phê duyệt của Phòng Kỹ thuật và Lãnh đạo Công ty.

- Giải quyết các chế độ tiền lương, tiền thưởng, xử lý kỷ luật lao động theo quy định của Công ty và Bộ luật Lao động.

- Phối hợp với chính quyền địa phương, khối xóm trên địa bàn phường Cửa Nam và huyện Hưng Nguyên thực hiện tốt công tác bảo vệ, an toàn trật tự khu vực trạm bơm I Cầu Mượu, cầu Đước và khu vực Nhà máy.

- Ngoài các nhiệm vụ chính trên thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban Giám đốc Công ty phân công.

6. Tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh 3 năm trước cổ phần hóa

6.1. Tình hình hoạt động của Công ty 3 năm trước cổ phần hóa

6.1.1. Về hoạt động cấp nước

Tổng hợp sản lượng nước sản xuất

TT	Địa bàn	SL nước SX (m ³)	SL nước tiêu thụ KH (m ³)	SL nước tiêu thụ thực tế (m ³)
I	Năm 2012	20.175.200	14.123.000	14.929.662
1	Thành phố Vinh		12.067.000	12.355.673
2	Nhà máy nước Nam Đàn		236.000	299.886
3	XN CN các TT Miền Tây		1.820.000	2.274.103
II	Năm 2013	22.417.053	16.110.000	16.541.802
1	Thành phố Vinh		13.237.000	13.416.358
2	Nhà máy nước Nam Đàn		323.000	377.142
3	XN CN các TT Miền Tây		2.550.000	2.748.302
II	Năm 2014	24.741.224	17.676.000	18.315.230
1	Thành phố Vinh		14.293.000	14.745.025
2	Xí nghiệp cấp nước vùng PC		437.000	579.075
3	XN CN các TT Miền Tây		2.946.000	2.991.130

Nguồn: Chi tiết tính toán theo Công ty đề nghị tại Tờ trình điều chỉnh giá tiêu thụ sản phẩm nước sạch ngày 16/5/2014

5.1.2. Về thị trường

Hiện tại, Công ty đang quản lý 04 hệ thống cấp nước, cụ thể như sau:

- Hệ thống cấp nước thành phố Vinh: Hệ thống cấp nước thành phố Vinh do Công ty quản lý với tổng công suất 60.000 m³/ngày đêm và đang được Công ty tiếp tục cải tạo, nâng cấp, mở rộng mạng lưới phục vụ bằng nguồn vốn tự có, vốn vay ODA, ADB... Mạng lưới cấp nước thành phố Vinh hiện tại gồm 16 phường, 7 xã. Tỷ

lệ cấp nước máy trước khi thành phố sáp nhập các xã vùng ven: 90% số hộ được cấp nước sạch và sau khi sáp nhập các xã ven đô vào thành phố: 84,5% số hộ được cấp nước sạch.

- Các đô thị Miền Tây: Kỳ Sơn, Tương Dương, Anh Sơn, Đô Lương, Thanh Chương, Nam Đàn, Tân Kỳ, Quỳnh Hợp, Quỳnh Châu với tổng công suất 13.500 m³/ngày đêm.

- Dự án cấp nước vùng phụ cận TP Vinh, (Nhà máy nước Cầu Bạch) công suất 20.000 m³/ngày đêm sử dụng nguồn vốn ODA do chính phủ Phần Lan tài trợ đã hoàn thành và đi vào hoạt động chính thức từ 01/4/2014. Hiện tại, hệ thống cấp nước đã đi vào sản xuất ổn định.

- Từ 01/3/2015, công ty tiếp nhận hệ thống cấp nước Hưng Nguyên, công suất 500 m³/ngày đêm

Như vậy, khi đi vào vận hành toàn bộ công suất, sản lượng nước sạch Công ty sản xuất cung cấp trên địa bàn quản lý ước đạt 90 %.

5.1.3. Về chế độ, chính sách đối với người lao động

Để thực hiện tốt kế hoạch nhà nước giao, bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An ban hành nội quy lao động và thỏa ước lao động tuân thủ theo các quy định của pháp luật. Cụ thể như sau:

Thời gian làm việc

- Làm việc trong giờ hành chính, 42 giờ/tuần, tùy điều kiện của mỗi đơn vị theo lịch thời gian cụ thể như sau:

+ Buổi sáng: Mùa đông từ: 7h30' đến 11h30'. Mùa hè từ: 7h00 đến 11h 00'.

+ Buổi chiều: Mùa đông từ: 13h30' đến 17 h00'. Mùa hè từ: 14h00' đến 17h30'

Do khối lượng công việc cần phải giải quyết và do đặc thù của ngành kinh doanh, Giám đốc công ty sẽ huy động người lao động làm thêm giờ nhưng không quá 4 giờ /ngày, 200 giờ /năm.

Thời gian nghỉ ngơi

- Người lao động có thời gian làm việc tại Công ty đủ 12 tháng thì được nghỉ phép năm hưởng nguyên lương theo quy định sau: 12 ngày đối với người làm việc bình thường; 14 ngày đối với người làm việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; 16 ngày đối với người làm việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; đủ 5 năm thâm niên sẽ được tính thêm 1 ngày phép.

- Các ngày nghỉ lễ, tết hàng năm thực hiện theo Bộ luật lao động quy định. Trường hợp do yêu cầu phục vụ sản xuất kinh doanh, công ty có thể thỏa thuận với người lao động làm thêm trong ngày nghỉ. Sau khi hoàn thành công việc, người lao động được nghỉ bù vào các ngày khác và được trả tiền lương làm thêm giờ theo điều 97 của Bộ luật lao động 2012.

- Các chế độ khen thưởng, phúc lợi, ốm đau, thai sản tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành.

Tiền lương

Tất cả người lao động trong Công ty được trả lương tháng, công ty phối hợp với tổ chức công đoàn để xây dựng thang bảng lương, quy chế trả lương, thưởng trên cơ sở các quy định của pháp luật lao động. Hàng năm công ty sẽ căn cứ vào tình hình thực tế hiệu quả đóng góp và mức độ hoàn thành công việc của người lao động để xét nâng lương và khen thưởng theo đúng quy định. Công ty sẽ trả lương trực tiếp, đầy đủ, đúng thời hạn cho người lao động. Công ty trả lương theo chức danh một số công việc, vị trí phụ trách đòi hỏi trình độ, kinh nghiệm làm việc cao. Tiền lương, các phúc lợi và điều kiện làm việc do Công ty trả không được thấp hơn mức lương tối thiểu của Chính phủ quy định.

5.1.4. Về công nghệ sản xuất

Để phục vụ cho quá trình sản xuất được liên tục, Công ty đã tiến hành đầu tư máy, thiết bị, dây chuyền công nghệ xử lý tiên tiến, phương tiện vận tải, truyền dẫn và các điều kiện cho hoạt động sản xuất kinh doanh, phù hợp nhu cầu hoạt động, điều này đã góp phần không nhỏ làm tăng năng suất, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

Tính đến thời điểm hiện tại, công nghệ xử lý nước tại các Nhà máy và trạm chủ yếu đang sử dụng các công nghệ truyền thống, riêng nhà máy nước Cầu Bạch áp dụng công nghệ mới trong xử lý (bể lắng Lamella).

Ngoài ra, Công ty tiến hành quản lý mạng lưới cấp nước bằng hệ thống SCADA thông qua các thiết bị sau:

- Thiết bị chấp hành: Đồng hồ đo lưu lượng điện từ, cơ khí
- Thiết bị giám sát: Dataloger của Công ty cấp nước Hải Dương
- Phương thức truyền dữ liệu: sử dụng GPRS
- Cảm biến: Sensor đo áp lực max 7bar
- Giao tiếp với thiết bị: Qua máy tính chủ trung tâm, có kết nối với mạng internet. Cài đặt phần mềm của Công ty cấp nước Hải Dương.

Công nghệ xử lý nước tinh lọc tại nhà máy Hưng Vĩnh hay công nghệ đo chất lượng nước online tại phòng Hóa nghiệm, nhà máy nước Hưng Vĩnh đang được công ty áp dụng.

Công nghệ quản lý tài chính (Bravo), văn phòng, nhân sự ... đã có phần mềm chuyên dụng. Đồng thời, Công ty đã ứng dụng công nghệ thông tin vào phần mềm lập dự toán đầu nối, quản lý và kiểm tra khách hàng.

5.1.5. Về hoạt động kiểm tra chất lượng dịch vụ

Nhận thức được tầm quan trọng của chất lượng nguồn nước đối với đời sống sinh hoạt của nhân dân trong toàn tỉnh cũng như những ngành sản xuất khác, Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An đã đổi mới đồng bộ, giảm tỷ lệ thất thoát xuống mức thấp nhất, chất lượng nước không ngừng được nâng cao.

Để đảm bảo chất lượng dịch vụ, Công ty đã thành lập Tổ quản lý mạng thực hiện dò tìm rò rỉ mạng lưới cấp nước với các thiết bị hiện đại. Thường xuyên kiểm tra chất lượng nước đầu nguồn, nước sau khi sản xuất tại nhà máy, tại hộ tiêu dùng.

5.1.6. Về nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền



Nguồn: Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An

5.2. Tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh 3 năm trước cổ phần hóa

Từ những ngày đầu thành lập đến nay đã được gần 60 năm, Ban lãnh đạo công ty cũng như toàn thể CBCNV không ngừng phấn đấu, chăm chỉ làm việc, học hỏi kinh nghiệm và thu hút được nhiều nguồn tài trợ dài hạn, giá rẻ để phát triển cơ sở hạ tầng, đẩy mạnh sản xuất kinh doanh đáp ứng nhu cầu nước cho người dân sử dụng cũng như nâng cao thu nhập, đời sống cho toàn bộ CBCNV trong công ty. Trong ba năm 2012, 2013 và 2014, Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An đã có những bước phát triển mạnh mẽ và đạt được những kết quả nhất định. Sau đây là những số liệu phản ánh kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty giai đoạn 2012 - 2014:

5.2.1. Chỉ tiêu phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty giai đoạn 2012 - 2014

Đơn vị tính: nghìn VND

TT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1	Tổng tài sản	332.518.947	321.234.046	692.843.323
2	Vốn chủ sở hữu	182.870.008	185.521.944	252.544.807
3	Phải trả người bán	16.823.942	8.288.957	22.788.720
4	Phải thu khách hàng	13.158.414	14.464.418	24.796.588
5	Doanh thu thuần	102.407.362	111.974.003	146.086.118
6	Lợi nhuận trước thuế	5.798.926	3.944.904	4.854.024
7	Lợi nhuận sau thuế	4.349.194	2.902.408	3.776.489
8	Lao động bình quân	450	520	666
9	Thu nhập bình quân một lao động/tháng (VNĐ/tháng)	4.553.000	5.015.000	5.620.000

Nguồn: BCTC năm 2012, 2013 và 2014

Từ năm 2012-2014 tổng tài sản của Công ty đã có sự tăng trưởng vượt bậc, từ 332.5 tỷ VNĐ (năm 2012) lên 692.8 tỷ VNĐ (năm 2014), tăng 360.3 tỷ VNĐ. Có được sự tăng trưởng đó là nhờ Công ty đã tiếp cận được nguồn vốn viện trợ ODA của Ngân hàng phát triển Châu Á, đưa dự án cấp nước vùng phụ cận TP Vinh hoàn thành và đi vào hoạt động vào năm 2014, đáp ứng nhu cầu cung cấp nước sạch cho các xã, huyện vùng ven thành phố.

Công ty luôn chú trọng việc đầu tư mở rộng địa bàn cung cấp nước sạch với phương châm mang nước sạch đến mọi người, mọi nhà, kèm theo đó Công ty cũng luôn quan tâm đến công tác sửa chữa, cải tạo mạng đường ống nhằm nâng cao chất lượng nước. Vì vậy doanh thu thuần tăng mạnh qua các năm, năm 2014 tăng 43,26% so với năm 2012 đồng thời lợi nhuận trước thuế năm 2014 giảm 16% so với năm 2012 do công ty đã sử dụng nhiều chi phí cho việc cải tạo, mở rộng.

Bảng số liệu sau đây cho thấy sự tăng trưởng đều sản lượng nước sản xuất và tiêu thụ qua 3 năm (2012 – 2014)

TT	Địa bàn	SL nước SX (m³)	SL nước tiêu thụ KH (m³)	SL nước tiêu thụ thực tế (m³)
I	Năm 2012	20.175.200	14.123.000	14.929.662

1	Thành phố Vinh		12.067.000	12.355.673
2	Nhà máy nước Nam Đàn		236.000	299.886
3	XN CN các TT Miền Tây		1.820.000	2.274.103
II	Năm 2013	22.417.053	16.110.000	16.541.802
1	Thành phố Vinh		13.237.000	13.416.358
2	Nhà máy nước Nam Đàn		323.000	377.142
3	XN CN các TT Miền Tây		2.550.000	2.748.302
II	Năm 2014	24.741.224	17.676.000	18.315.230
1	Thành phố Vinh		14.293.000	14.745.025
2	Xí nghiệp cấp nước vùng PC		437.000	579.075
3	XN CN các TT Miền Tây		2.946.000	2.991.130

Để đáp ứng nhu cầu công việc ngày càng nhiều, trong 3 năm công ty đã tuyển thêm hơn 200 CBCNV, đồng thời thu nhập bình quân một lao động/ tháng tăng lên 23% (năm 2012 là 4.553.000 VNĐ đến năm 2014 là 5.620.000 VNĐ), điều đó cho thấy được sự phát triển ngày một lớn mạnh của công ty và người lao động ngày càng yên tâm cống hiến, gắn bó với công ty.

Chỉ tiêu phân tích tình hình tài chính của Công ty giai đoạn 2012 – 2014

Bảng chỉ tiêu tài chính của Công ty giai đoạn 2012 – 2014

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
I	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
1	Hệ số thanh toán hiện hành <i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	3,00	4,00	1,54
2	Hệ số thanh toán nhanh <i>(Tài sản ngắn hạn – HTK)/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	2,57	3,03	1,12
II	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
1	Tổng nợ/Tổng tài sản	Lần	0,45	0,42	0,64
2	Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,82	0,73	1,74
III	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
1	Vòng quay tổng tài sản <i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân</i>	Vòng	0,31	0,35	0,21

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
2	Vòng quay HTK <i>GVHB/HTK bình quân</i>	Vòng	5,78	3,88	4,98
IV	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
1	Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	4,25	2,59	2,59
2	Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	2,38	1,56	1,50
3	Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân	%	1,31	0,90	0,55
4	Tỷ suất lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	4,85	2,95	2,62

Nguồn: BCTC năm 2012, 2013 và 2014

Nhận xét:

*** Khả năng thanh toán:**

Các hệ số thanh toán của Công ty từ năm 2012 đến năm 2014 tuy có giảm nhưng luôn ổn định và an toàn, đảm bảo khả năng chi trả các khoản nợ ngắn hạn. Nợ ngắn hạn tăng là do trong năm 2014 phát sinh khoản vay và nợ ngắn hạn (nợ dài hạn đến hạn trả) của 2 khoản vay nguồn vốn ODA của Dự án cấp nước TP Vinh và Dự án cấp nước vùng phụ cận thành phố Vinh.

*** Cơ cấu vốn:**

Trong giai đoạn 2012 – 2014, tỷ lệ Nợ phải trả/Tổng tài sản, Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu của Công ty là lớn và có xu hướng tăng. Cụ thể, 2 hệ số này năm 2012 tăng từ 0,45 lần lên 0,64 lần năm 2014 và tăng từ 0,82 lần lên 1,74 lần. Trong năm 2014, Công ty ghi nhận 2 khoản vay từ nguồn vốn ODA và vay dự án cấp nước vùng Phụ cận thành phố Vinh, giá trị 2 khoản vay này tính đến hết năm 2014 gần 385 tỷ VNĐ. Hiện nay, Công ty đang tận dụng được lợi thế chi phí vốn từ vay nợ rẻ, qua đó tận dụng được đòn bẩy tài chính trong hoạt động kinh doanh, mang lại lợi nhuận tiềm năng trong tương lai lớn hơn nhiều so với chi phí vốn bỏ ra. Đồng thời, Dự án cấp nước phụ cận TP Vinh bắt đầu đi vào hoạt động, thực hiện cung cấp nước cho các xã vùng ven TP Vinh, địa bàn ngày càng mở rộng, doanh thu dự kiến sẽ tăng nhiều. Vì vậy, tiềm lực về tài chính của Công ty ngày càng mạnh, tình hình tài chính tốt.

* Chỉ tiêu năng lực hoạt động:

Năm 2012 vòng quay tổng tài sản giảm từ 0,31 vòng xuống còn 0,21 vòng năm 2014, năng lực hoạt động của tài sản có xu hướng giảm. Vòng quay hàng tồn kho giảm từ 5,78 vòng xuống còn 4,98 vòng năm 2014, tuy nhiên tỷ lệ giảm ít, hàng tồn kho nhiều chủ yếu do Chi phí dở dang của Khu nhà Chung cư và sản lượng nước tiêu thụ luôn tăng đều qua các năm.

* Chỉ tiêu khả năng sinh lời:

Do lợi nhuận giảm nhẹ từ 4,3 tỷ năm 2012 xuống còn 3,7 tỷ năm 2014 nên các chỉ tiêu về khả năng sinh lời có xu hướng giảm trong giai đoạn 2012 – 2014. Tuy nhiên các chỉ tiêu về doanh thu, tổng tài sản, vốn chủ sở hữu có sự tăng trưởng mạnh trong giai đoạn này, đảm bảo cho nền tài chính của Công ty phát triển.

5.2.2. Cơ cấu doanh thu, chi phí của Công ty:

Bảng cơ cấu doanh thu thuần của Công ty giai đoạn 2012 - 2014

STT	Nhóm dịch vụ	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
		Giá trị (nghìn VNĐ)	Tỉ trọng (%)	Giá trị (nghìn VNĐ)	Tỉ trọng (%)	Giá trị (nghìn VNĐ)	Tỉ trọng (%)
1	DT tiền nước	84.180.278	81,20	94.693.841	84,60	118.068.519	80,47
2	DT lắp đặt công trình	18.227.084	17,80	17.300.654	15,40	28.658.354	19,53
I	Tổng doanh thu	102.407.362	100,00	111.994.495	100,00	146.726.874	100,00

Nguồn: BCTC Công ty năm 2012, BCTC 2013 đã điều chỉnh theo Báo cáo kiểm toán nhà nước và BCTC đã kiểm toán năm 2014.

Trong giai đoạn 2012 - 2014, doanh thu của Công ty đến từ hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch và lắp đặt công trình. Xét về tổng thể, doanh thu của Công ty ổn định và tăng trưởng hàng năm, tăng từ 102,4 tỷ năm 2012 lên thành 111,97 tỷ năm 2013 và 146,73 tỷ năm 2014. Tính chung trong giai đoạn này, doanh thu của Công ty đã tăng thêm 44,3 tỷ tương đương mức tăng 43,26% so với năm 2012.

Nguồn thu chủ yếu của Công ty đến từ hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch cung cấp cho các đối tượng sử dụng là người dân, các tổ chức hành chính sự nghiệp, các doanh nghiệp sản xuất và dịch vụ. Cũng chính vì thế, trong cơ cấu doanh thu của Công ty, doanh thu tiền nước lớn hơn nhiều so với doanh thu từ hoạt động lắp đặt công trình và đạt giá trị lần lượt là 84,18 tỷ năm 2012; 94,67 tỷ năm 2013 và 118,07 tỷ năm 2014 tương đương với tỷ trọng lần lượt đạt 81,20% năm 2012, 84,6% năm 2013 và 80,47% trên tổng doanh thu năm 2014.

**Bảng cơ cấu GVHB của Công ty TNHH một thành viên
giai đoạn 2012 - 2014**

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nhóm dịch vụ	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
		Giá trị	Tỉ trọng	Giá trị	Tỉ trọng	Giá trị	Tỉ trọng
		(nghìn VNĐ)	(%)	(nghìn VNĐ)	(%)	(nghìn VNĐ)	(%)
1	GV tiền nước	62.095.631	79,1	71.647.606	83,04	87.428.328	76,36
2	GV lắp đặt công trình	16.408.305	20,9	14.629.860	16,96	27.070.204	23,64
I	Tổng giá vốn hàng bán	78.503.936	100	86.277.466	100	114.498.532	100

Nguồn: BCTC của Công ty năm 2012, BCTC 2013 đã điều chỉnh theo Báo cáo kiểm toán nhà nước và BCTC đã kiểm toán năm 2014

Trong giai đoạn 2012 – 2014, tương tự doanh thu, giá vốn của Công ty đến từ hai hoạt động chính là sản xuất, cung ứng nước sạch và lắp đặt công trình. Giá vốn hàng bán của Công ty tăng qua từng năm, từ 78,5 tỷ năm 2012 lên 86,27 tỷ năm 2013 và 114,50 tỷ năm 2014.

Xét về cơ cấu giá vốn hàng bán của Công ty, giá vốn tiền nước của doanh nghiệp tăng trưởng đều và chiếm tỷ trọng lớn so với lắp đặt công trình. Cụ thể, giá vốn tiền nước lần lượt đạt 62,09 tỷ năm 2012; 71,65 tỷ năm 2013 và 87,43 tỷ năm 2014 tương ứng 79,10%; 83,04%; 76,36% trên tổng giá vốn hàng bán. Bên cạnh đó, giá vốn lắp đặt công trình cũng tăng từ 16,69 tỷ năm 2012 lên 27,07 tỷ năm 2014, tương ứng với tỷ trọng lần lượt 21,21% và 23,64% trên tổng giá vốn hàng bán.

Bảng cơ cấu các khoản mục chi phí so với doanh thu thuần của Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Nghệ An giai đoạn 2012 - 2014

ST T	Khoản mục	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
		Giá trị (nghìn VNĐ)	% so với DT thuần	Giá trị (nghìn VNĐ)	% so với DT thuần	Giá trị (nghìn VNĐ)	% so với DT thuần
1	Giá vốn hàng bán	78.503.936	77,74	86.277.466	78,02	114.498.532	79,79
2	Chi phí bán hàng	5.297.257	5,25	5.629.519	5,09	5.844.729	4,07
3	Chi phí QLDN	10.135.527	10,04	11.871.580	10,74	11.438.657	7,97
4	Chi phí tài chính	7.041.809	6,97	6.799.829	6,15	11.709.832	8,17
	Tổng chi phí	100.978.529	100,0	110.578.394	100,0	143.491.750	100,0

Nguồn: BCTC Công ty năm 2012, BCTC 2013 đã điều chỉnh theo Báo cáo kiểm toán nhà nước và BCTC kiểm toán năm 2014

Trong giai đoạn 2012 - 2014, tổng chi phí của Công ty tăng từ 100,98 tỷ lên 143,50 tỷ năm 2014, tương ứng với mức tăng lên 42,1%. Xét về cơ cấu giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí, lần lượt chiếm 77,74% năm 2012; 78,02% năm 2013 và 79,79% năm 2014 và đang có xu hướng tăng từ 78,5 tỷ năm 2012 lên 114,50 tỷ năm 2014.

Ngoài ra, ba khoản chi phí còn lại bao gồm: chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí tài chính chiếm tỷ trọng nhỏ hơn nhiều so với giá vốn hàng bán, chỉ chiếm từ 5 – 10% so với tổng chi phí. Trong đó, chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp ổn định, tăng không đáng kể. Riêng chi phí tài chính tăng từ 7,04 tỷ năm 2012 lên 11,71 tỷ năm 2014. Nguyên nhân khiến chi phí tài chính tăng phát sinh từ khoản vay ODA và vay dự án phụ cận Vinh.

II. THỰC TRẠNG CỦA CÔNG TY TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

1. Thực trạng về tài sản, nguồn vốn của Công ty

1.1. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn

Tổng tài sản theo sổ sách kế toán của Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 30/06/2014 là: 374.179.661.694 VNĐ.

Cơ cấu tài sản của Công ty theo sổ sách kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 30/6/2014

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Khoản mục	Giá trị trên sổ sách kế toán tại 30/06/2014
I	Tài sản ngắn hạn:	112.437.741.873
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	11.089.962.200
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	17.300.757.836
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	50.397.576.000
4	Hàng tồn kho	30.190.052.761
5	Tài sản ngắn hạn khác	3.459.393.076
II	Tài sản dài hạn:	261.741.919.821
1	Các khoản phải thu dài hạn	-
2	Tài sản cố định	261.624.901.546
3	Tài sản dài hạn khác	117.018.275
	Tổng cộng	374.179.661.694

Nguồn: BCTC kiểm toán tháng 06/2014

Hoạt động trong lĩnh vực chủ yếu là khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch, Tổng tài sản của Công ty có giá trị lớn trong đó chiếm phần lớn là tài sản cố định. Hệ thống tài sản cố

định của Công ty tại ngày 30/6/2014 là 261,6 tỷ VNĐ, tương đương gần 70% tổng tài sản của Công ty, chủ yếu là mạng đường ống truyền tải nước, các dự án đầu tư hệ thống cấp nước ở các huyện và TP Vinh có nguồn vốn ODA và vốn NSNN. Tài sản ngắn hạn tại ngày 30/6/2014: 112,4 tỷ VNĐ chiếm 30% tổng tài sản, trong đó Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn: 28,3 tỷ VNĐ có tính thanh khoản cao đảm bảo đủ nhu cầu vốn của công ty trong ngắn hạn.

**Cơ cấu nguồn vốn của Công ty theo sổ sách kế toán tại thời điểm xác định giá trị
doanh nghiệp 30/06/2014**

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Giá trị trên sổ sách kế toán tại 30/06/2014
I	Nợ phải trả	150.122.880.066
1	Nợ ngắn hạn	39.975.005.535
2	Nợ dài hạn	110.147.874.531
II	Vốn chủ sở hữu	224.056.781.628
1	Vốn chủ sở hữu	222.866.442.341
2	Nguồn kinh phí và các quỹ khác	1.190.339.287
	Tổng cộng	374.179.661.694

Nguồn: BCTC ngày 30/06/2014

Tại thời điểm 30/06/2014, nợ phải trả của Công ty là 150,1 tỷ, chiếm 40,12% nguồn vốn; vốn chủ sở hữu là 224,06 tỷ, chiếm 59,88% nguồn vốn. Tỷ lệ nợ phải trả/Vốn CSH: 0,67 lần < 1 lần, đây là cơ cấu vốn an toàn, tài sản của Công ty được tài trợ chủ yếu bởi nguồn vốn chủ sở hữu, ít phụ thuộc vào vay nợ, tình hình tài chính ổn định.

1.2. Thực trạng về tài sản cố định

Tình hình tài sản cố định của Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An theo số liệu sổ sách kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 30/06/2014 thể hiện tóm tắt ở bảng sau:

Thực trạng về tài sản cố định của Công ty tại ngày 30/06/2014

Đơn vị tính: nghìn VNĐ

TT	Tài sản	Nguyên giá	Hao mòn	Giá trị còn lại
1	Tài sản cố định hữu hình	359.008.459.546	110.941.848.489	248.066.611.057
a	Nhà cửa, vật kiến trúc	32.507.055.876	12.852.182.686	19.654.873.190
b	Máy móc thiết bị	23.459.490.751	12.722.118.551	10.737.372.200
c	Phương tiện vận tải	31.157.068.741	12.187.501.739	18.969.567.002
d	Thiết bị, dụng cụ quản lý	188.015.910	100.669.798	87.346.112
e	Tài sản cố định khác	230.257.921.043	73.079.375.715	157.178.545.328

f	Tài sản nhận bàn giao bổ sung từ các huyện	41.438.907.225	-	41.438.907.225
2	Tài sản cố định vô hình	52.000.000	52.000.000	-

Nguồn: BCTC ngày 30/06/2014

1.3. Thực trạng về tài chính, công nợ

Thực trạng về tài chính, công nợ của Công ty theo số liệu sổ sách kế toán tại thời điểm xác định lại giá trị doanh nghiệp ngày 30/06/2014 như sau:

1.3.1. Thực trạng về tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Số liệu kế toán tại 30/06/2014
A	Tổng số nợ phải trả	150.122.880.066
B	Vốn chủ sở hữu. Trong đó:	224.056.781.628
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	216.950.778.125
2	Quỹ đầu tư phát triển	2.052.235.216
3	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	3.863.429.000
4	Nguồn kinh phí và các quỹ khác	1.190.339.287
	Tổng cộng	374.179.661.694

Nguồn: BCTC ngày 30/06/2014

1.3.2. Tình hình công nợ trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 30/06/2014

TT	Chỉ tiêu	Năm 2014
A	Công nợ phải thu	
1	Phải thu của khách hàng	17.601.119.742
2	Các khoản phải thu khác	911.685.083
3	Trả trước người bán	32.320.018.660
B	Công nợ phải trả	
1	Vay và nợ ngắn hạn	-
2	Vay và nợ dài hạn	110.147.874.531
3	Phải trả người bán	18.498.065.082
4	Người mua trả tiền trước	6.499.170.403
5	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.029.180.027
6	Chi phí phải trả	7.739.166.346

TT	Chỉ tiêu	Năm 2014
7	Phải trả người lao động	1.464.115.311
8	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.566.932.902
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.178.375.464

Nguồn: BCTC ngày 30/06/2014

2. Thực trạng về lao động:

Tại thời điểm ngày 02/10/2015 có 693 người (thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp), tổng số cán bộ công nhân viên có tên trong danh sách thường xuyên của Công ty là 671 người, nộp BHXH là 22 người; trong đó cơ cấu như sau:

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
A	Phân theo trình độ lao động	693	100,00
	- Trên đại học	03	0,43
	- Trình độ đại học	232	33,48
	- Trình độ cao đẳng, trung cấp	321	46,32
	- Công nhân có tay nghề, LĐPT	137	19,77
B	Phân theo loại hợp đồng lao động	693	100.00
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ (Đại diện cho phần vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp)	03	0.43
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ	668	96.38
	<i>a) Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn</i>	499	72,00
	<i>b) Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng</i>	143	20,63
	<i>c) Lao động làm việc theo mùa vụ hoặc theo công việc nhất định có thời gian dưới 12 tháng</i>	26	3.75
3	Lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao động của công ty	22	3,19
C	Phân theo phòng ban	693	100

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
1	Phòng TC - HC	22	3,17
2	Ban Thanh Tra	17	2,45
3	Phòng KH - KT	33	4,76
4	TỔ XD CB	9	1,30
5	Phòng Tài vụ	11	1,59
6	Phòng Kinh doanh	66	9,52
7	Chi nhánh DVCN số 1	24	3,46
8	Chi nhánh DVCN số 2	38	5,48
9	Chi nhánh DVCN số 3	39	5,63
10	Chi nhánh DVCN số 4	36	5,19
11	Chi nhánh DVCN số 5	43	6,20
12	Nhà máy nước Hưng Vĩnh	79	11,40
13	Đội XM - SC	18	2,60
14	Xí nghiệp cấp nước CTT MT	113	16,31
15	Xí nghiệp xây lắp nước	5	0,72
16	Ban QLDA CTMCTTN	9	1,30
17	Xí nghiệp CN vùng PC Vinh	77	11,11
18	Trung tâm cấp nước sạch HN	32	4,62
19	Danh sách CBCNV nộp BHXH	22	3,19
D	Phân theo giới tính	693	100

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
	- Nam	381	54,99
	- Nữ	312	45,01

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An

3. Thực trạng về đất đai đang sử dụng:

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An đang quản lý 24 khu đất với tổng diện tích là **116.049,96 m²**. Trong đó, 16 khu đất chưa có GCNQSDĐ với diện tích là **42.552,46 m²**, 8 khu đất còn lại đã có GCNQSDĐ với tổng diện tích là **73.497,5 m²**. Trong đó có 1 khu đất thuộc Khối 14 - Phường Trường Thi được sử dụng làm Khu chung cư (Nhà ở cho CBCNV) với diện tích 691 m².

Theo phương án sử dụng đất số 787/CTCN ngày 07/11/2014 của Công ty TNHH Cấp nước Nghệ An trình UBND tỉnh Nghệ An, Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Cấp nước Nghệ An, hiện nay, Công ty TNHH Cấp nước Nghệ An đang quản lý và khai thác 24 khu đất với tổng diện tích là: 116.049,96 m². Trong đó 1 khu đất là Khu chung cư (Nhà ở cho CBCNV) tại đường Nguyễn Xí, Phường Trường Thi, tỉnh Nghệ An với diện tích là 691 m² tiếp tục sử dụng làm khu chung cư, nhà ở cho CBCNV, đất ở lâu dài. Còn 23 khu đất còn lại với tổng diện tích là 115.358,96 m², Công ty đề nghị tiếp tục sử dụng theo hình thức thuê đất trả tiền hằng năm.

Về phương án sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An thống nhất theo phương án sử dụng đất đang sử dụng (đã trình các cấp có thẩm quyền để thẩm định, phê duyệt), tiếp tục quản lý và sử dụng 24 khu đất với tổng diện tích là 116.049,96 m². Trong đó, 23 khu đất theo hình thức thuê đất trả tiền hằng năm, 01 khu đất còn lại là khu chung cư là đất ở lâu dài.

Chi tiết cụ thể như sau:

Danh sách các khu đất đã có GCNQSDĐ của Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An

STT	Địa chỉ khu đất	Số thửa, tờ bản đồ	Tổng số diện tích sử dụng (m ²)	Quyết định giao đất	Hợp đồng thuê đất	Cấp giấy chứng nhận QSDĐ	Đề nghị PASDD
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Khu chung cư Đường Nguyễn	Thửa 32	691	Số 46/QĐ-UBND.ĐC	Chuyển đổi mục	Số BP 659804	Đất ở lâu dài

	Xí, P.Trường Thi, TP Vinh, Nghệ An	tờ BĐ 8		ngày 5/4/2012	đích sử dụng	ngày 30/9/2013	
2	Nhà máy nước Hưng Vĩnh Số 115, Đ.Nguyễn Sinh Sắc, Khối 11, P.Cửa Nam,TP.Vinh	Thửa 42 tờ BĐ 26	9340,9	Số 331/QĐ-UBND.ĐC ngày 29/8/2013	Số 125/HĐ-TĐ ngày 11/9/2013	Số BP 659811 ngày 14/10/2013	Thuê đất
3	Hồ lãng bùn P.Đông Vĩnh và Cửa Nam, TP.Vinh	Thửa 202-206 tờ BBĐC 44,27	4796,3	Số 63/QĐ-UBND.ĐC ngày 25/4/2011	Số 87/HĐ-TĐ ngày 10/5/2011	Số BR 298693 ngày 26/12/2013	Thuê đất
4	Trạm xử lý nước Cầu Bạch Xã Nam Giang, huyện Nam Đàn, Nghệ An	Thửa 510 tờ BĐ14	44998,9	QĐ 417/QĐ-UBND.ĐC ngày 24/12/2012	Số 06/HĐ-TĐ ngày 9/1/2013	Số BM 753242 ngày 15/1/2013	Thuê đất
5	Trạm cấp nước Thanh Chương Huyện Thanh Chương, Nghệ An	Thửa 04 tờ BĐ 10	5787	QĐ số 285/QĐUB ngày 3/4/2000	Số 124/HĐ-TĐ ngày 31/8/2010	Số BA 845206 ngày 31/8/2010	Thuê đất
6	Trạm bơm nước thô Cầu Đước K12, P.Cửa Nam, TP Vinh, Nghệ An	Thửa 36 tờ BĐ 32	774	Số 164/QĐ-UBND.ĐC ngày 31/3/2015	Số 88/HĐ-TĐ ngày 22/4/2015	Số BY 969212 ngày 27/5/2015	Thuê đất
7	Đất văn phòng công ty Số 32, Phan Đăng Lưu, TP.Vinh, Nghệ An	Thửa 31 tờ BĐ 8	2109,4	Số 364/QĐ-UBND.ĐC ngày 17/9/2014	Số 155/HĐ-TĐ ngày 22/10/2013	Số BX 450064 ngày 15/7/2015	Thuê đất
8	Trạm bơm tăng áp Xã Nghi Liên, Tp.Vinh, Nghệ An	Thửa 1130 tờ BĐ 6	5000	QĐ 418/QĐ-UBND.ĐC ngày 24/12/2012	Số 09/HĐ-TĐ ngày 9/1/2013	Số BM 753241 ngày 15/1/2013	Thuê đất

Tổng cộng (m ²)	73.497,5			
-----------------------------	----------	--	--	--

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An

**Danh sách các khu đất đang hoàn thiện GCNQSDĐ của Công ty TNHH MTV
Cấp nước Nghệ An**

ST T	Địa chỉ khu đất	Số thửa, tờ bản đồ	Tổng số diện tích sử dụng (m ²)	Quyết định giao đất	Hợp đồng thuê đất	Cấp giấy chứng nhận QSDĐ	Đề nghị PASDD
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Khu tập thể CBCNV Khối 14, P.Trường Thi, TP Vinh, Nghệ An	Thửa 28 tờ BĐ 17	1.734,4	Số 380/QĐ-UBND.ĐC ngày 27/9/2013	Số 154/HĐ-TĐ ngày 22/10/2013	Đang làm thủ tục	Thuê đất
2	Trung tâm Dịch vụ khách hàng Số 46 Phan Đăng Lưu, TP Vinh, Nghệ An	Thửa 19 tờ BĐ 8	279,1	Số 673/QĐ-UBND.ĐC ngày 01/10/2015	Chưa	Đang làm thủ tục	Thuê đất
3	Nhà máy nước Hưng Vĩnh Khối Vĩnh Lâm, P. Đông Vĩnh, TP Vinh, Nghệ An	Thửa 788 Tờ BĐ48	9.861,3	Số 477/QĐ-UBND.ĐC ngày 13/7/2015	Số 154/HĐ-TĐ ngày 25/08/2015	Đang làm thủ tục	Thuê đất

4	Trạm bơm nước thô Cầu Mượu Xã Nam Giang, huyện Nam Đàn, Nghệ An	Thửa số 491 từ BĐ 19	2.907,7	Số 675/QĐ-UBND.ĐC ngày 01/10/2015	Chưa	Đang làm thủ tục	Thuê đất
5	Trạm cấp nước Hưng Hòa Xóm Khánh Hậu, xã Hưng Hòa, TP Vinh, Nghệ An	Thửa 985 từ BĐ 12	4.000	Số 749/QĐ-UBND.ĐC ngày 22/10/2015	Chưa	Đang làm thủ tục	Thuê đất
6	Trạm cấp nước Đô Lương Xóm 2, Xã Đông Sơn, Huyện Đô Lương, Nghệ An	Thửa 124, từ BĐ 17	4.333,3	QĐ số 758/QĐUB ngày 22/10/2015	Chưa	Đang làm thủ tục	Thuê đất
7	Trạm cấp nước Anh Sơn Thị trấn Anh Sơn, huyện Anh Sơn, Nghệ An	Thửa 91 từ BĐ 9	744,9	QĐ số 656/QĐUB ngày 22/09/2015	Chưa	Đang làm thủ tục	Thuê đất
8	Trạm cấp nước Tân	Thửa 8, từ BĐ 45	1.929,5	QĐ số 655/QĐUB	Chưa	Đang làm thủ tục	Thuê đất

	Kỳ Xã Kỳ Tân, Huyện Tân Kỳ, Nghệ An			B ngày 22/09/2015			
9	Trạm cấp nước Quỳ Châu Khối 2, TT Tân Lạc, Huyện Quỳ Châu, Nghệ An	Thửa 57, tờ BĐ 03	684,1	QĐ số 286/QĐU B ngày 03/4/2000	Chưa	Đang làm thủ tục	Thuê đất
10	Trạm cấp nước Con Cuông Khối 4, TT Con Cuông, H Con Cuông, Nghệ An	Thửa 05, tờ BĐ 02	2.736,36	QĐ số 280/QĐU B ngày 03/4/2000	Chưa	Đang làm thủ tục	Thuê đất
11	Trạm cấp nước Quỳ Hợp Huyện Quỳ Hợp, Nghệ An	Thửa 2,3,21,20 ,25,40 tờ BĐ 03	2.616,5	QĐ số 282/QĐU B ngày 03/4/2000	Chưa	Đang làm thủ tục	Thuê đất
12	Trạm cấp nước TT Mường Xén Khối 3, TT Mường Xén,	Thửa 180, tờ BĐ 04	3.130,5	Chưa	Chưa	Đang làm thủ tục	Thuê đất

	Huyện Kỳ Sơn						
13	Trạm cấp nước TT Hòa Bình, Tương Dương Huyện Tương Dương, Nghệ An	Thửa 01,02	4.087,1	Chưa	Chưa	Đang làm thủ tục	Thuê đất
14	Trạm cấp nước Nam Đàn; Huyện Nam Đàn, Nghệ An	Thửa 03, tờ BĐ 13	2.367	Chưa	Chưa	Đang làm thủ tục	Thuê đất
15	Trạm cấp nước Quang Trung Phường Quang Trung, TP Vinh, Nghệ An	-	444	Chưa	Chưa	Đang làm thủ tục	Thuê đất
16	Bể nước tròn Đường Nguyễn Xí, TP Vinh, Nghệ An	-	696,7	Chưa	Chưa	Đang làm thủ tục	Thuê đất
Tổng cộng:			42.552,46				

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An. Các hợp đồng dịch vụ cấp nước lớn, dự án đang thực hiện hoặc đã ký kết

4. Các hợp đồng dịch vụ cấp nước lớn đang thực hiện, ký kết:

Công ty với ngành nghề sản xuất, kinh doanh chính là cung cấp nước sạch cho sinh hoạt, dịch vụ sản xuất trên địa bàn tỉnh Nghệ An và khu vực lân cận, các hợp đồng cung cấp nước sạch cho một số khách hàng lớn:

STT	Tên hợp đồng	Đối tác trong hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Hợp đồng cung cấp tiêu thụ nước máy	Công Ty Cổ Phần Bao Bì SABECO Sông Lam	Dài hạn
2	Hợp đồng cung cấp tiêu thụ nước máy	Công Ty Cổ Phần Bia Sài Gòn Nghệ Tĩnh	Dài hạn
3	Hợp đồng cung cấp tiêu thụ nước máy	Đại Học Vinh	Dài hạn
4	Hợp đồng cung cấp tiêu thụ nước máy	Công Ty TNHH Matrix Vinh	Dài hạn
5	Hợp đồng cung cấp tiêu thụ nước máy	Bộ tư lệnh QK4	Dài hạn
6	Hợp đồng cung cấp tiêu thụ nước máy	Công Ty Cổ Phần Sài Gòn - Kim Liên	Dài hạn
7	Hợp đồng cung cấp tiêu thụ nước máy	CN Khách Sạn Mừng Thanh Sông Lam-Doanh nghiệp TN Xây Dựng Số 1 tỉnh Điện Biên	Dài hạn
8	Hợp đồng cung cấp tiêu thụ nước máy	Công Ty Cổ Phần Du Lịch Dầu Khí Phương Đông	Dài hạn
9	Hợp đồng cung cấp tiêu thụ nước máy	Hợp Tác Xã Nông Nghiệp Hưng Thịnh	Dài hạn
10	Hợp đồng cung cấp tiêu thụ nước máy	Bệnh Viện Hữu Nghị Đa Khoa Nghệ An	Dài hạn

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An

Các đối tác hiện tại của Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An đều có thương hiệu, tên tuổi lớn trên thị trường. Việc duy trì đối tác cũ và phát triển thêm các đối tác mới giúp thị trường đầu ra của công ty ngày càng thêm sôi động, giúp công ty từng bước duy trì lợi nhuận ổn định và tăng trưởng qua từng năm, góp phần củng cố thêm vị thế của công ty trong thị trường cung cấp nước sạch.

5. Các dự án Công ty triển khai

5.1. Các dự án Công ty đã và đang triển khai

a. Dự án Hồ thu gom và xử lý bùn lắng đọng của nhà máy nước Hưng Vĩnh, thành phố Vinh.

Căn cứ Quyết định số 2122/QĐ.UBND-NN ngày 18/05/2009 về việc phê duyệt báo cáo Kinh tế kỹ thuật, Quyết định số 3681/QĐ.UBND - CNXD ngày 18/8/2010 phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư của UBND tỉnh cho công trình: Hồ thu gom và xử lý bùn lắng động của nhà máy nước Hưng Vĩnh, thành phố Vinh: Hiện nay công trình đã nghiệm thu đưa vào sử dụng từ tháng 01 năm 2013, đáp ứng yêu cầu cấp thiết cho hệ thống sản xuất cấp nước sạch tại địa bàn thành phố Vinh và trả lại dòng chảy đảm bảo môi trường tại cầu Làng Vang thuộc hợp tác xã Hưng Vĩnh - Phường Đông Vĩnh - TP Vinh;

- Tổng mức đầu tư: 7.214 triệu VNĐ;

- Năm 2011 UBND tỉnh đã bố trí: 2.300 triệu VNĐ (đã giải ngân);

- Hiện nay Công trình đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa phê duyệt quyết toán do thiếu vốn còn thiếu: 4.914 triệu VNĐ.

b. Dự án Hệ thống cấp điện cho trạm bơm nước thô Cầu Mượu:

Căn cứ Quyết định số: 3343/QĐ.UBND-CN ngày 23/8/2011; Quyết định số: 3014/QĐ.UBND - ĐTXD ngày 10/8/2012 về việc phê duyệt và điều chỉnh tổng mức và kế hoạch đấu thầu công trình: Hệ thống cấp điện cho trạm bơm nước thô Cầu Mượu.

Hiện nay tuyến đường điện Trạm bơm cấp 1 Cầu Mượu bơm nước thô từ sông cầu Mượu về trạm xử lý để cung cấp nước sạch cho nhân dân thành phố Vinh được lấy từ tuyến đường điện 35KV trên quốc lộ 46 đi Nam Đàn thường không ổn định về thời gian cũng như chất lượng điện, đặc biệt vào thời gian mùa hè, do tính cấp thiết của công trình UBND tỉnh đã đồng ý cho phép đầu tư xây dựng đường điện mới đấu nối từ hệ thống đường điện nhà máy bia Sài Gòn Sông Lam.

- Tổng mức đầu tư: 6.069 triệu VNĐ;

- Năm 2012 UBND tỉnh đã bố trí: 1.650 triệu VNĐ (đã giải ngân);

- Năm 2014 UBND tỉnh đã bố trí: 1.500 triệu VNĐ (đã giải ngân);

- Vốn còn thiếu: 3.009 triệu VNĐ.

- Hiện nay công trình đã cơ bản hoàn thành đang chờ đấu nguồn điện vào hệ thống, do thiếu nguồn vốn nên công trình chưa tiến hành nghiệm thu quyết toán.

5.2. Các dự án Công ty triển khai trong thời gian sắp tới

a) Dự án cải tạo mạng giảm thất thoát nước thành phố Vinh (giai đoạn 1)

Tổng mức đầu tư điều chỉnh (công bố giá VLXD quý I/2014): 24,410 triệu USD. Trong đó:

- Vốn vay Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB). Cơ chế tài chính trong nước:
Cho vay lại: 20,480 triệu USD

- Vốn đối ứng trong nước: 3,930 triệu USD.

+ Mục tiêu đầu tư xây dựng:

Giảm tỷ lệ thất thoát nước, hoàn thiện mạng lưới đường ống cấp I, cấp II, cấp III - dịch vụ để nâng cao hiệu quả phục vụ của mạng lưới cấp nước và làm cơ sở phát triển mạng lưới cấp nước cho các khu vực; nâng cao năng lực quản lý và vận hành của Công ty.

+ Nội dung đầu tư xây dựng:

- Cải tạo mạng lưới cấp nước: Thay thế một số tuyến ống cấp nước đã cũ hỏng, thất thoát lớn, nhằm hạn chế việc thất thoát nước do rò rỉ, lắp mới một số ống chuyên tải và phân phối để cải thiện tình hình cấp nước của hệ thống

- Phân vùng tách mạng và thiết lập đồng hồ tổng phục vụ cho công tác quản lý vận hành và kiểm soát thất thoát nước do kỹ thuật của hệ thống.

- Lắp đặt hệ thống Giám sát và thu thập dữ liệu SCADA giai đoạn đầu.

- Giảm thất thoát nước do quản lý

- Hỗ trợ kỹ thuật cho PMU trong giai đoạn thực hiện Dự án.

- Hỗ trợ kỹ thuật và tăng cường năng lực quản lý cho Công ty trong giai đoạn vận hành.

Ngày khởi công dự kiến: 20/07/2016 - Ngày hoàn thành dự kiến: 20/01/2019.

b) Dự án kè trạm bơm nước thô cầu Mượu và Tuyến ống cấp nước xã Hưng Chính thành phố Vinh

- Tổng mức đầu tư: 11.382 triệu VNĐ. Trong đó, nguồn vốn thực hiện từ ngân sách nhà nước đầu tư hàng năm, ngoài ra chủ đầu tư huy động nguồn vốn hợp pháp khác.

- Mục tiêu: để đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch, đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn chất lượng nước cho người dân.

- Nội dung: Gói thầu số 2 - Xây lắp tuyến ống cấp nước xã Hưng Chính thành phố Vinh (theo kế hoạch đấu thầu đã được UBND tỉnh phê duyệt).

- Xây dựng mạng đường ống cấp nước phân phối dịch vụ có đường kính từ D50 đến D110 với tổng chiều dài 15.923 m cấp nước cho nhân dân xã Hưng Chính, thành phố Vinh.

- Ngày khởi công dự kiến: 30/08/2015 - Ngày hoàn thành dự kiến 30/04/2016.

6. Những thuận lợi, khó khăn ảnh hưởng đến sự phát triển công ty

Bước vào năm 2015, kinh tế thế giới tiếp tục đà phục hồi. Đây là năm cuối thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015, là năm diễn ra đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2015 - 2020, hướng tới đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII với khí thế quyết tâm phấn đấu, thi đua sôi nổi. Tuy nhiên, bên cạnh điều kiện thuận lợi, có không ít khó khăn, thách thức: thời tiết diễn biến phức tạp, nắng nóng kéo dài gây hạn hán trên diện rộng, mực nước các hồ đập, sông suối xuống thấp; hoạt động của doanh nghiệp vẫn gặp nhiều khó khăn; giá cả một số mặt hàng thiết yếu ... tăng ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của nhân dân.

6.1. Thuận lợi

- Công ty được sự quan tâm, tạo điều kiện của Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh, các Sở, Ban ngành và chính quyền các địa phương đã tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình hoạt động của Công ty.

- Tập thể CBCNV luôn đoàn kết nhất trí, gắn bó với nghề nghiệp, có kinh nghiệm trong công tác, được trải nghiệm qua thực tế nhiều năm.

- Công ty là doanh nghiệp vừa hoạt động trong lĩnh vực sản xuất vừa là nhà cung cấp trực tiếp sản phẩm nước sạch. Do năng lực lãnh đạo chỉ đạo của Ban lãnh đạo Công ty tốt nên các hoạt động của Công ty ngày càng được cải thiện nâng cao và ngày càng nhận được sự ủng hộ, quan tâm của các khách hàng khi sử dụng dịch vụ.

- Đối với công tác sản xuất: Các hệ thống cấp nước của công ty hoạt động ổn định, đảm bảo đủ công suất sản xuất nước; UBND tỉnh đã ban hành giá nước mới với đối tượng sử dụng nước sinh hoạt áp dụng hộ gia đình được linh hoạt, ý thức chấp hành hợp đồng sử dụng nước của khách hàng tương đối tốt, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý của Công ty.

- Công tác cải tạo mạng giảm thất thoát: Dự án cải tạo mạng giảm thất thoát nước thành phố Vinh - giai đoạn 1 đã được triển khai, dự kiến cuối năm 2019 hoàn thành đảm bảo cung cấp nước an toàn, hiệu quả đến khách hàng; tỷ lệ thất thoát nước giảm; hệ thống mạng được áp dụng các công nghệ tiên tiến vào quản lý vận hành. Dự án triển khai đúng trình tự và đạt yêu cầu của ADB.

- Công ty hiện đang hoạt động kinh doanh trong ngành cấp nước, địa bàn hoạt động của Công ty có lượng khách hàng lớn và ổn định. Ngoài ra, Tỉnh Nghệ An trong những năm gần đây đã thu hút được nhiều nhà đầu tư với nhiều dự án lớn đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp, khu đô thị, dịch vụ ... tập trung nhất là tại thành phố Vinh do đó nhu cầu cấp nước ngày càng tăng mạnh gồm: Tổ hợp Khu công nghiệp - Đô thị và dịch vụ Nghệ An của Tổng Công ty BECAMEX (Bình Dương); Nhà máy sản xuất tôn Hoa Sen của Tập đoàn Hoa Sen; Tổ hợp sản xuất thực phẩm của Tập đoàn Masan; Dự án mở rộng nhà máy Bia Hà Nội - Nghệ An lên 100 triệu lít/năm; Dự án mở rộng Bệnh viện Đa khoa Tỉnh (giai đoạn 2); Dự án Nhà máy sản xuất thực phẩm của nhà đầu tư Thái Lan; Dự án Khu liên hợp công nghiệp, đô thị và dịch vụ VSIP tại Nghệ An (Tổ hợp VSIP 7) do Công ty Liên doanh TNHH Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore tại làm chủ đầu tư Nghệ An... cần tiêu thụ khối lượng lớn nước sạch.

- Nguồn cấp nước cho các nhà máy xử lý nước Cầu Bạch và Hưng Vĩnh đã có sự đầu tư tuyến ống nước thô lấy nước trực tiếp từ Sông Lam của Nhà đầu tư Công ty cấp nước Sông Lam, do vậy đảm bảo cung cấp đủ khối lượng và chất lượng nên Công ty chủ động điều tiết nguồn cấp nước, thuận lợi trong sản xuất kinh doanh.

- Nền kinh tế của đất nước ngày càng hội nhập và phát triển thì vấn đề về nước sạch sẽ ngày càng được Nhà nước quan tâm, sự hỗ trợ của các nước phát triển, các Tổ chức trong và ngoài nước. Chính vì vậy cơ hội phát triển ngành của Công ty rất lớn.

- Dự án cấp nước vùng phụ cận thành phố Vinh đã đưa vào khai thác và phục vụ; hoạt động hiệu quả với sản lượng cấp nước đạt đến 80% công suất nhà máy.

- Đã ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý: Phần mềm quản lý khách hàng, lắp đặt và sửa chữa ... giúp cho việc quản trị doanh nghiệp đạt hiệu quả.

6.2. Khó khăn

- Địa bàn phục vụ và quản lý trải rộng khắp trên toàn tỉnh, các trạm cấp nước ở các huyện cách quá xa Công ty, có nhiều huyện miền núi còn khó khăn về kinh tế như Kỳ Sơn, Tương Dương ...

- Nguồn ngân sách nhà nước còn hạn hẹp, chưa được đầu tư thỏa đáng trong việc xây dựng hệ thống cấp nước. Hệ thống cơ sở hạ tầng vẫn còn yếu kém và thiếu đồng bộ, tỷ lệ nước cung cấp cho công nghiệp dịch vụ còn ít dẫn đến nguồn thu từ kinh doanh nước sạch tăng chậm không đủ nguồn để đẩy nhanh công việc cải tạo nâng cấp các hệ thống cấp nước nhằm mở rộng phạm vi cấp nước để nâng cao tỷ lệ cấp nước đô thị;

- Nguồn cấp nước tại các huyện Miền Tây không ổn định theo mùa, mùa đông thừa nước và mùa hè thiếu nước, mưa lũ thường xuyên làm ảnh hưởng đến các công trình thu nước đầu nguồn (Trạm Quỳ Hợp, Kỳ Sơn, Tương Dương, Con Cuông...).

- Ý thức về quản lý bảo vệ nguồn nước, hệ thống cấp nước của người dân còn nhiều hạn chế.

- Hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước tuy đã được cải tạo qua nhiều giai đoạn song vẫn chưa đồng bộ và còn một số khu vực chưa phù hợp là những yếu tố khó khăn trong việc vận hành mạng lưới cấp nước.

- Hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh nước sạch vừa mang tính kinh doanh, vừa mang tính phục vụ để đảm bảo ổn định đời sống nhân dân trong Tỉnh; giá tiêu thụ nước sạch theo quy định hiện hành do UBND tỉnh Nghệ An quyết định, nên Công ty khó chủ động về giá bán đầu ra của sản phẩm. Đặc biệt, khi một số yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất kinh doanh tăng cao như giá nguyên nhiên vật liệu, điện, hóa chất, tiền lương, tăng TSCĐ. Việc định giá nước máy còn mang tính bao cấp chưa phản ánh một cách đầy đủ các khoản mục chi phí, khi chi phí tăng cao.

- Sự phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ tại địa phương trong thời điểm hiện tại tăng không đáng kể, tỷ trọng nước máy phục vụ sinh hoạt chiếm rất lớn 70 – 75%; Nước máy phục vụ sản xuất và kinh doanh dịch vụ nhỏ hơn 10 – 13% nên giá bán bình quân thấp hơn giá thành sản xuất.

PHẦN III: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ ĐỂ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua tại kỳ họp thứ tám Quốc hội khoá XIII ngày 26/11/2014 và có hiệu lực từ ngày 01/7/2015;

- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần

- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

- Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/7/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

- Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg ngày 15 tháng 09 năm 2014 của Thủ tướng chính phủ quyết định một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp nhà nước.

- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ tài chính hướng dẫn cổ phần lần đầu và quản lý sử dụng tiền thu từ cổ phần hoá của các doanh nghiệp DNNN 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;

- Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 Hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

- Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần;

- Quyết định số 893/QĐ-UBND ngày 12/03/2014 của UBND tỉnh Nghệ An về việc cổ phần hoá công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An;

- Quyết định số 1125/QĐ-UBND ngày 26/03/2014 của UBND tỉnh Nghệ An về việc thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hoá công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An;

- Quyết định số 31/QĐ-BCĐCPH ngày 10/04/2014 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa về việc thành lập Tổ giúp việc cổ phần hóa tại Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An;

- Quyết định số:4469/QĐ-UBND ngày 02/10/2015 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An;

- Các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Hình thức cổ phần hóa

Căn cứ vào quyết định số 893/QĐ-UBND ngày 12/03/2014 của UBND tỉnh Nghệ An về việc cổ phần hoá công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An cùng tình hình sản xuất kinh doanh thực tế, định hướng phát triển trong tương lai, Công ty lựa chọn hình thức cổ phần hóa theo quy định tại Điều 4, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần là: **“Bán một phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp và nhà nước giữ cổ phần chi phối”**.

3. Mục tiêu cổ phần hóa

a. Thực hiện cổ phần hóa nhằm huy động vốn của các cá nhân, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội trong và ngoài nước để tăng cường năng lực tài chính, đổi mới công nghệ, đổi mới phương thức quản lý nhằm nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của doanh nghiệp.

b. Đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động trong doanh nghiệp.

c. Thực hiện công khai, minh bạch theo nguyên tắc thị trường, khắc phục tình trạng cổ phần hóa khép kín trong nội bộ doanh nghiệp; gắn với phát triển thị trường vốn, thị trường chứng khoán.

4. Yêu cầu cổ phần hóa

a. Huy động vốn của cán bộ nhân viên trong doanh nghiệp, tổ chức cá nhân trong nước để đầu tư phát triển doanh nghiệp

b. Nâng cao ý thức cán bộ nhân viên trong doanh nghiệp; gắn với phát triển thị trường vốn, thị trường chứng khoán.

5. Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa:

Căn cứ Quyết định số 4469/QĐ-UBND ngày 02/10/2015 Của UBND tỉnh Nghệ An về phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An, giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm 30/06/2014 như sau:

Giá trị thực tế của doanh nghiệp:	445.744.956.596 VNĐ
Nợ thực tế phải trả:	150.122.880.066 VNĐ

Giá trị phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp: 295.622.076.530 VNĐ

a) Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 30/06/2014

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
1	2	3	(4)=(3)-(2)
A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)	368.182.732.748	445.744.956.596	77.562.224.848
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn	255.744.989.875	333.928.311.130	78.183.321.255
1. Tài sản cố định	242.069.681.111	320.253.002.366	78.183.321.255
a. Tài sản cố định hữu hình	242.069.681.111	320.253.002.366	78.183.321.255
- Nhà cửa vật kiến trúc	57.204.047.248	111.414.953.921	54.210.906.673
- Máy móc thiết bị	54.387.741.155	46.229.496.213	(8.158.244.942)
- Phương tiện vận tải	1.229.721.666	1.408.046.147	178.324.481
- Thiết bị truyền dẫn	128.008.365.892	158.656.704.634	30.648.338.742
- TSCĐ khác	1.239.805.150	2.543.801.451	1.303.996.301
b. Tài sản cố định vô hình			
2. Chi phí XDCB dở dang	13.558.290.489	13.558.290.489	
3. Chi phí dài hạn khác	117.018.275	117.018.275	
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	112.437.741.873	111.816.645.466	(621.096.407)
1. Tiền	11.089.962.200	11.089.861.913	(100.287)
a. Tiền mặt tồn quỹ	1.425.421.187	1.425.420.900	(287)
b. Tiền gửi ngân hàng	9.664.541.013	9.664.441.013	(100.000)

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	17.300.757.836	17.300.757.836	-
3. Các khoản phải thu	50.397.576.000	50.399.559.930	1.983.930
4. Hàng tồn kho	30.190.052.761	29.589.738.331	(600.314.430)
5. TSLĐ khác	3.459.393.076	3.436.727.456	(22.665.620)
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp	-	-	-
IV. Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-
B. Tài sản không cần dùng	119.430.921	119.430.921	-
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn	119.430.921	119.430.921	-
1. Tài sản cố định	119.430.921	119.430.921	-
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn			
C. Tài sản chờ thanh lý	5.877.499.025	5.877.499.025	-
1. TSCĐ và đầu tư dài hạn	5.877.499.025	5.877.499.025	-
2. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	-	-	-
D. Tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi, khen thưởng	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A + B + C+D). Trong đó:	374.179.661.694	451.741.886.542	77.562.224.848
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A)	368.182.731.748	445.744.956.596	77.562.224.848
E1. Nợ thực tế phải trả Trong đó:	150.122.880.066	150.122.880.066	-

Giá trị quyền sử dụng đất mới nhận giao phải nộp NSNN	-	-	-
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHÂN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A - (E1 + E2)]	218.059.851.682	295.622.076.530	77.562.224.848

Nguồn: Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty

Ngoài ra Tài sản hình thành từ 1/7/2014 đến nay phát sinh thêm tài sản của nhà nước từ Dự án cấp nước vùng phụ cận thành phố Vinh và tài sản hình thành từ việc sát nhập Trung tâm nước sạch Hưng Nguyên từ tháng 3 năm 2015 với Tổng tài sản là 424,8 tỷ VNĐ trong đó vốn Nhà nước là 100 tỷ VNĐ chưa đưa vào kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 30/06/2014, chi tiết cụ thể như sau:

- Tổng tài sản hình thành từ Dự án cấp nước vùng phụ cận thành phố Vinh 388,8 tỷ trong đó vốn đối ứng của nhà nước đầu tư là 64,95 tỷ VNĐ;
- Tổng tài sản hình thành từ việc sát nhập Trung tâm nước sạch Hưng Nguyên tạm tính 36 tỷ VNĐ, trong đó vốn nhà nước là 100%.

b) Đề xuất của Công ty:

Công ty kính đề nghị UBND tỉnh Nghệ An xem xét phê duyệt quyết toán dự án Cấp nước vùng phụ cận thành phố Vinh để bổ sung giá trị doanh nghiệp theo đúng quy định hiện hành.

II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

1. Thông tin về doanh nghiệp sau cổ phần hóa:

1.1. Thông tin chung về doanh nghiệp

Tên Tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Tên giao dịch quốc tế: NGHE AN WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: NAWASCO.,JSC

Vốn điều lệ làm tròn: 295.622.070.000 VNĐ

Trụ sở công ty: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Thi,
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Số điện thoại: 0388.668.118

Fax: 0388.668.118

Logo:



1.2. Ngành nghề kinh doanh

Căn cứ vào nguồn vốn, tài sản được giao, năng lực lãnh đạo, trình độ quản lý sau khi chuyển đổi, Công ty xin đăng ký ngành nghề kinh doanh như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước (khai thác nước khô; sản xuất, cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác; sản xuất kinh doanh nước uống đóng chai)	3600 (Chính)
2	Hoạt động tư vấn thiết kế chuyên dụng (Tư vấn thiết kế lập dự án đầu tư, thẩm tra hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán công trình cấp thoát nước)	7410
3	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Công trình công nghiệp, thủy lợi, đường dây và trạm biến áp)	4390
4	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
5	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
6	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí và công nghệ nhà máy sản xuất nước	4322
7	Hoạt động tư vấn quản lý (Lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu và quản lý dự án công trình cấp thoát nước)	7020
8	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Đầu tư kinh doanh địa ốc, nhà ở chung cư, dịch vụ quản lý chung cư và cao ốc văn phòng)	6810
9	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình cấp thoát nước đến cấp 3)	7110
10	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290

	(Xây dựng các công trình cấp thoát nước, hạ tầng kỹ thuật)	
11	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu chuyên ngành cấp thoát nước	2599
12	Xây dựng nhà các loại	4100
13	Lắp đặt hệ thống điện	4321
14	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh(Mua bán vật liệu xây dựng và vật tư thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước)	4752
15	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (Lắp đặt hệ thống phòng, chữa cháy; trụ cứu hỏa)	4329
16	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chuyên ngành cấp thoát nước	4663

1.3. Hình thức pháp lý

Sau khi cổ phần hoá, Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An sẽ hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần, trong đó Nhà nước nắm giữ ít nhất từ 51% trở lên vốn điều lệ, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 có hiệu lực từ ngày 01/7/2015.

1.4. Quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty

1.4.1. Quyền hạn của công ty

- Được tiếp tục kế thừa các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An chuyển sang.
- Công ty có quyền tự chủ về quản lý sản xuất kinh doanh.
- Công ty có tư cách pháp nhân kể từ ngày có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- Công ty thực hiện chế độ hạch toán kế toán độc lập;
- Công ty có con dấu riêng, được mở tài khoản giao dịch tại các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng theo Luật;
- Công ty có các quyền về quản lý tài chính.

1.4.2. Nghĩa vụ của Công ty:

Công ty có nghĩa vụ quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo quy định của điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An và quy định của pháp luật.

2. Vốn điều lệ, cơ cấu vốn điều lệ và đối tượng mua cổ phần và chính sách áp dụng

2.1. Vốn điều lệ, cơ cấu vốn điều lệ

- Giá trị thực tế của Công ty tại thời điểm 30/06/2014 để cổ phần hóa: 445.744.956.596 VNĐ

- Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp: 295.622.076.530 VNĐ

- Vốn điều lệ (làm tròn): 295.622.070.000 VNĐ

- Số cổ phần phát hành: 29.562.207 cổ phần

- Mệnh giá của mỗi cổ phần: 10.000 VNĐ/cổ phần

- Giá bán khởi điểm: 10.000 VNĐ/cổ phần

a) Bảng cơ cấu vốn điều lệ dự kiến Cơ cấu cổ đông của Công ty sau khi cổ phần hóa.

STT	Đối tượng	Số cổ phần	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
I	Cổ phần Nhà nước chi phối	15.076.726	150.767.266.530	51,00
II	Cổ phần thoái vốn	14.485.481	144.854.810.000	49,00
1	Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp, bao gồm:	2.650.400	26.504.000.000	8,97
1.1	Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động theo số năm làm việc trong khu vực Nhà nước	723.800	7.238.000.000	2,45
1.2	Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động mua thêm theo số năm cam kết và lao động chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, bao gồm: (a) và (b)	1.926.600	19.266.000.000	6,52
a	Cổ phần ưu đãi theo số năm cam kết (200 cổ phần /1năm)	498.400	4.984.000.000	1,69
b	Cổ phần ưu đãi lao động chuyên gia giỏi (500 cổ phần/1năm)	1.428.200	14.282.000.000	4,83

2	Cổ phần tổ chức Công đoàn	30.000	300.000.000	0,10
3	Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược	5.902.540	59.025.400.000	19,97
4	Cổ phần bán đấu giá công khai cho nhà đầu tư khác	5.902.541	59.025.410.000	19,97
	Tổng cộng (1+ 2+ 3+4)	29.562.207	295.622.076.530	100,00

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An

b) Đề xuất của Công ty

Ngoài những cổ phần ưu đãi và cam kết theo qui định, theo nguyện vọng của người lao động Công ty muốn mua thêm cổ phần và cam kết gắn bó lâu dài với doanh nghiệp, Công ty kính đề nghị UBND tỉnh Nghệ An, Ban chỉ đạo cổ phần hóa cho phép bán cho người lao động được tính theo giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.

2.2. Đối tượng mua cổ phần, chính sách bán cổ phần giá ưu đãi và việc bán cổ phần qua đấu giá.

2.2.1. Đối tượng mua cổ phần

Đối tượng mua cổ phần bao gồm:

- a. Toàn bộ Cán bộ, công nhân viên Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An có tên trong danh sách lao động thường xuyên tại doanh nghiệp (có hưởng lương, có đóng bảo hiểm xã hội, kể cả người đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, đang nghỉ việc hưởng chế độ ngắn hạn) tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp 2/10/2015.
- b. Tổ chức công đoàn Công ty
- c. Nhà đầu tư chiến lược được lựa chọn theo hình thức thỏa thuận trực tiếp với Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An
- d. Các nhà đầu tư trong và ngoài nước mua thông qua đấu giá theo Điều 6 Nghị định 59/2011/NĐ-CP của Chính phủ.

2.2.2. Cổ phần bán ưu đãi cho CBCNV theo thời gian làm việc tại khu vực nhà nước

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ thì số cổ phần bán cho người lao động được tính là 100 cổ phần cho 01 năm làm việc trong khu vực Nhà nước.

- Giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này bằng 60% giá thỏa thuận với Nhà đầu tư chiến lược hoặc giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.

- Tổng số CBCNV có tên trong danh sách lao động của Công ty tại thời điểm ngày 02/10/2015 là 693 người (thời điểm ban hành Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa), được mua cổ phần theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực nhà nước là 605 người (có danh sách kèm theo)

- Tổng số cổ phần CBCNV được mua theo quy định của hình thức này là **723.800** cổ phần với tổng giá trị tính theo mệnh giá là **7.238.000.000 VNĐ** chiếm **2,45%** vốn điều lệ Công ty cổ phần (danh sách kèm theo)

- Thời gian thực hiện: Sau khi hoàn tất việc giá bán cổ phần lần đầu, Công ty sẽ tiến hành thu tiền của người lao động theo sổ đăng ký mua thực tế đã được Ban chỉ đạo cổ phần hóa phê duyệt.

2.2.3. Cổ phần bán ưu đãi cho CBCNV cam kết làm việc lâu dài

Đối tượng mua cổ phần:

Theo quy định tại khoản 2, điều 48, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ: Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm 02/10, thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) được mua thêm cổ phần ưu đãi theo quy định:

- Áp dụng với toàn bộ cán bộ công nhân viên Cam kết tiếp tục làm việc tại Công ty cổ phần ít nhất 03 năm: Mua thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động (gọi là quy định a).

- Áp dụng với người lao động là chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao Cam kết làm việc tại Công ty cổ phần ít nhất 03 năm: Mua thêm theo mức 500 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa khôn

Tiêu chí lựa chọn lao động là chuyên gia giỏi có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao của Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An:

- Giám đốc, phó giám đốc các xí nghiệp, trạm cấp nước.
- Trưởng, phó phòng, tổ trưởng, tổ phó các phòng ban nghiệp vụ, các xí nghiệp, trạm cấp nước, dịch vụ cấp nước
- Thợ bậc 05 trở lên

Căn cứ vào quy định của pháp luật cùng tiêu chí lựa chọn lao động, Cán bộ công nhân viên đăng ký mua ưu đãi cam kết như sau:

- Tổng số cổ phần được mua ưu đãi đối với người lao động cam kết làm việc lâu dài tại Công ty là **1.926.600** cổ phần, với tổng giá trị là **19.266.000.000 VNĐ** tính theo mệnh giá chiếm **6,52 %** vốn điều lệ.

Trong đó:

- + Người lao động đăng ký mua ưu đãi cam kết lâu dài: **498.400** cổ phần.
- + Người lao động đăng ký mua ưu đãi cam kết làm việc lâu dài, đồng thời là chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao là **1.428.200** cổ phần.
- Giá bán: Bằng giá bán thành công thấp nhất của nhà đầu tư chiến lược và Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Cấp nước Nghệ An
- Thời gian thực hiện: Sau khi hoàn tất việc giá bán cổ phần lần đầu, Công ty sẽ tiến hành thu tiền của người lao động theo số đăng ký mua thực tế đã được Ban chỉ đạo cổ phần hóa phê duyệt
- Số cổ phần cam kết người lao động mua thêm sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong thời gian cam kết.

2.2.4. Cổ phần bán cho Công đoàn Công ty

Căn cứ vào mục c Khoản 2 Điều 36 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ quy định: Công đoàn cơ sở tại doanh nghiệp được sử dụng nguồn quỹ công đoàn để mua cổ phần ưu đãi nhưng không quá 3% vốn điều lệ

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 30/06/2015, theo BCTC Công ty ghi nhận Kinh phí Công đoàn là 305.499.642 VNĐ, tuy nhiên hiện đến thời điểm hiện nay Công đoàn trích 180.000.000 VNĐ để mua cổ phần ưu đãi

- Giá bán: Bằng 60% giá bán thành công thấp nhất giữa Nhà đầu tư chiến lược và Ban chỉ đạo Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An.

- Số cổ phần bán ưu đãi cho Công đoàn là: 30.000 cổ phần, tương ứng giá trị 300.000.000 VNĐ, chiếm 0,1% vốn Điều lệ của Công ty.

- Số cổ phần ưu đãi này do Tổ chức Công đoàn nắm giữ, không được chuyển nhượng

- Thời gian thực hiện: Sau khi hoàn tất việc giá bán cổ phần lần đầu, Công ty sẽ tiến hành thu tiền của Tổ chức Công đoàn theo số đăng ký mua thực tế đã được Ban chỉ đạo cổ phần hóa phê duyệt.

2.2.5. Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược.

a) Mục tiêu lựa chọn nhà đầu tư chiến lược:

Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An là sản xuất kinh doanh nước sạch cung cấp cho các đối tượng sử dụng là người dân, các tổ chức, doanh nghiệp. Công ty lựa chọn nhà đầu tư chiến lược là các nhà đầu tư trong nước có năng lực tài chính và hỗ trợ doanh nghiệp sau cổ phần hóa về: Nâng cấp mở rộng công suất các Nhà máy nước, xây dựng Hệ thống tuyến ống nhằm mở rộng địa bàn phục vụ, phát triển khách hàng, dịch vụ của chính đơn vị; chuyển giao công nghệ mới, hiện đại; đào tạo, nâng cao nguồn nhân lực; nâng cao năng lực tài chính; nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp; cung ứng nguyên vật liệu; cung cấp thông tin dự án.

b) Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược:

- Có năng lực tài chính thể hiện ở các tiêu chí sau:

+ Chứng minh đủ nguồn vốn góp.

+ Sản xuất kinh doanh có lợi nhuận sau thuế (dương) trong 3 năm liên tiếp trước năm đăng ký tham gia làm nhà đầu tư chiến lược (năm 2012, 2013, 2014).

+ Không có lỗ lũy kế.

- Có cam kết bằng văn bản về việc gắn bó lợi ích lâu dài với Công ty cổ phần, hỗ trợ Công ty nguồn vốn đầu tư phát triển, một số lĩnh vực thuộc ngành nghề kinh doanh chính của Công ty.

- Không chuyển nhượng số cổ phần được mua trong thời hạn tối thiểu 05 (năm) năm kể từ ngày Công ty cổ phần được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận căn cứ theo Điều lệ tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần.

c) Số lượng Nhà đầu tư chiến lược:

Tối đa không quá 02 nhà đầu tư chiến lược, trường hợp có quá 02 nhà đầu tư chiến lược tham gia hoặc số lượng cổ phần các nhà đầu tư đăng ký mua vượt quá số lượng chào bán thì sẽ tổ chức đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược.

d) Tổng số lượng cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược:

Tổng số lượng cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược là 5.902.540 cổ phần với giá trị 59.025.400.000 VNĐ tính theo mệnh giá, tương đương 19,97% vốn Điều lệ.

e) Phương thức và giá bán:

- Bán theo hình thức thỏa thuận với nhà đầu tư chiến lược trước khi thực hiện đấu giá công khai.

- Giá bán được xác định là giá thỏa thuận giữa Nhà đầu tư chiến lược và Ban chỉ đạo cổ phần hóa nhưng không được thấp hơn giá khởi điểm đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án cổ phần hóa phê duyệt. Trường hợp phải đấu giá giữa nhà đầu tư chiến lược, giá bán được xác định trên giá đấu cao nhất của nhà đầu tư chiến lược.

- Cổ phần bán cho Nhà đầu tư chiến lược sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 5 năm kể từ ngày Công ty cấp nước Nghệ An đăng ký kinh doanh lần đầu dưới hình thức Công ty cổ phần.

f) Phương thức nộp và thanh toán tiền:

- Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày UBND tỉnh Nghệ phê duyệt phương án cổ phần hóa, Ban chỉ đạo cổ phần hóa thông báo cho nhà đầu tư chiến lược Kể từ ngày phương án bán cho Nhà đầu tư chiến lược phê duyệt, Ban chỉ đạo sẽ tiến hành thông báo tìm nhà đầu tư chiến lược trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt phương án cổ phần hóa, Ban chỉ đạo cổ phần hóa thông báo cho nhà đầu tư chiến lược biết để đến làm thủ tục theo quy định. Hết thời gian quy định nêu trên nếu không có nhà đầu tư chiến lược nào đăng ký và hoàn thành các thủ tục đúng quy định, thì Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An sẽ không có Cổ đông chiến lược. Khi đó, phần vốn bán cho Cổ đông chiến lược sẽ chuyển thành phần vốn bán ra bên ngoài theo hình thức đấu giá công khai.

- Trường hợp có Nhà đầu tư chiến lược đăng ký, ngày 17/11/2015 Ban chỉ đạo sẽ căn cứ danh sách Nhà đầu tư đăng ký để mời họp thống nhất số lượng bán, giá bán cho Nhà đầu tư chiến lược.

- Tại thời điểm nộp đơn đăng ký làm nhà đầu tư chiến lược và phương án bán cho nhà đầu tư chiến lược được Ban chỉ đạo phê duyệt, Nhà đầu tư chiến lược phải đặt cọc 10% tổng giá trị cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm vào tài khoản phong tỏa của Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An.

- Tại thời điểm có quyết định của Ban chỉ đạo cổ phần hóa thống nhất giá bán cho Nhà đầu tư chiến lược, trong thời hạn 05 ngày làm việc tiếp theo, Nhà đầu tư chiến lược phải nộp tiền thanh toán mua cổ phần tính theo giá bán thực tế đã được phê duyệt sau khi trừ đi số tiền đặt cọc vào tài khoản phong tỏa của Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An.

- Trường hợp Nhà đầu tư chiến lược từ chối mua sẽ không được nhận lại tiền đặt cọc.

g) Đề xuất của Công ty

Đối với Nhà đầu tư chiến lược Công ty kính đề nghị UBND tỉnh Nghệ An không lựa chọn hình thức các nhà đầu tư chiến lược mua cổ phần tại Công ty mà chỉ kêu gọi các nhà đầu tư, đầu tư vào Công ty để mở rộng, nâng cấp hệ thống cấp nước theo nhu cầu và nguyện vọng của các Nhà đầu tư.

2.2.6. Cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài: Thông qua sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Giá khởi điểm bán đấu giá	: 10.000 đồng/cổ phần
Đối tượng chào bán	: Các nhà đầu tư cá nhân, tổ chức trong nước đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật. Riêng nhà đầu tư nước ngoài phải theo quy định hiện hành
Phương thức đấu giá	: Cổ phần được chào bán theo hình thức đấu giá tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
Hình thức đặt cọc	: Tại thời điểm đơn đăng ký, nhà đầu tư phải nộp tiền đặt cọc 10% trên tổng giá trị đăng ký mua tính theo giá khởi điểm vào tài khoản của Các đại lý đấu giá được nêu trong Quy chế đấu giá tại Công ty. Nhà đầu tư từ chối tiếp tục tham gia đấu giá hoặc đã trúng giá nhưng không thanh toán tiền mua cổ phần hoặc chỉ thanh toán một phần tiền đã trúng thì sẽ không được nhận lại tiền đặt cọc. Nhà đầu tư tham gia đấu giá nhưng không trúng giá sẽ được hoàn trả lại tiền đặt

cọc

Địa điểm tổ chức bán đấu giá : SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI
Số 02, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 39412626 Fax: (84.4) 39347818

Thời gian bán cổ phần : Sau khi được UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt phương án Cổ phần hóa, Công ty sẽ triển khai hoàn thiện bản công bố thông tin đợt chào bán và tiến hành bán cổ phần ra bên ngoài.

Các trình tự, thủ tục liên quan đến đợt bán đấu giá được quy định trong “Quy chế bán đấu giá” của Công ty do Công ty cổ phần chứng khoán APEC phối hợp với Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành. Trong Trường hợp không bán hết thì chuyển sang phần vốn nhà nước tiếp tục nắm giữ.

Đề xuất của Công ty

Số lượng cổ phần bán đấu giá công khai thực tế sẽ được căn cứ theo Quyết định phê duyệt phương án Cổ phần hóa Công ty của UBND tỉnh Nghệ An.

3. Phương án sử dụng đất

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp 100%;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 790/QĐ-UBND.ĐC ngày 30/10/2015 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An.

Công ty TNHH Cấp nước Nghệ An đang quản lý và khai thác 24 khu đất với tổng diện tích là: 116.049,96 m². Trong đó 1 khu đất là Khu chung cư (Nhà ở cho CBCNV) tại đường Nguyễn Xí, Phường Trường Thi, tỉnh Nghệ An với diện tích là 691 m² tiếp tục sử dụng làm khu chung cư, nhà ở cho CNCNV, đất ở lâu dài. Còn 23 khu đất còn lại với tổng diện tích là 115.358,96 m², Công ty đề nghị tiếp tục sử dụng theo hình thức thuê đất trả tiền hằng năm.

Chi tiết cụ thể như sau:

Danh sách các khu đất đã có GCNQSDĐ của Công ty TNHH MTV CN Nghệ An

STT	Địa chỉ khu đất	Số thửa, tờ bản đồ	Tổng số diện tích sử dụng (m ²)	Quyết định giao đất	Hợp đồng thuê đất	Cấp giấy chứng nhận QSDĐ	Đề nghị PASDD
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Khu chung cư Đường Nguyễn Xí, P.Trường Thi, TP Vinh, Nghệ An	Thửa 32 tờ BĐ 8	691	Số 46/QĐ-UBND.ĐC ngày 5/4/2012	Chuyển đổi mục đích sử dụng	Số BP 659804 ngày 30/9/2013	Đất ở lâu dài
2	Nhà máy nước Hưng Vĩnh Số 115, Đ.Nguyễn Sinh Sắc, Khối 11, P.Cửa Nam, TP.Vinh	Thửa 42 tờ BĐ 26	9340,9	Số 331/QĐ-UBND.ĐC ngày 29/8/2013	Số 125/HĐ-TĐ ngày 11/9/2013	Số BP 659811 ngày 14/10/2013	Thuê đất trả tiền hàng năm
3	Hồ lãg bùn P.Đông Vĩnh và Cửa Nam, TP.Vinh	Thửa 202-206 tờ BBĐC 44,27	4796,3	Số 63/QĐ-UBND.ĐC ngày 25/4/2011	Số 87/HĐ-TĐ ngày 10/5/2011	Số BR 298693 ngày 26/12/2013	Thuê đất trả tiền hàng năm
4	Trạm xử lý nước Cầu Bạch Xã Nam Giang, huyện Nam Đàn, Nghệ An	Thửa 510 tờ BĐ 14	44998,9	QĐ 417/QĐ-UBND.ĐC ngày 24/12/2012	Số 06/HĐ-TĐ ngày 9/1/2013	Số BM 753242 ngày 15/1/2013	Thuê đất trả tiền hàng năm
5	Trạm cấp nước Thanh Chương Huyện Thanh Chương, Nghệ An	Thửa 04 tờ BĐ 10	5787	QĐ số 285/QĐUB ngày 3/4/2000	Số 124/HĐ-TĐ ngày 31/8/2010	Số BA 845206 ngày 31/8/2010	Thuê đất trả tiền hàng năm
6	Trạm bơm nước thô Cầu Đước K12, P.Cửa Nam, TP Vinh, Nghệ An	Thửa 36 tờ BĐ 32	774	Số 164/QĐ-UBND.ĐC ngày 31/3/2015	Số 88/HĐ-TĐ ngày 22/4/2015	Số BY 969212 ngày 27/5/2015	Thuê đất trả tiền hàng năm
7	Đất văn phòng công ty Số 32, Phan Đăng Lưu, TP.Vinh, Nghệ An	Thửa 31 tờ BĐ 8	2109,4	Số 364/QĐ-UBND.ĐC ngày 17/9/2014	Số 155/HĐ-TĐ ngày 22/10/2013	Số BX 450064 ngày 15/7/2015	Thuê đất trả tiền hàng năm
8	Trạm bơm tăng áp Xã Nghi Liên, Tp.Vinh, Nghệ An	Thửa 1130 tờ BĐ 6	5000	QĐ 418/QĐ-UBND.ĐC ngày 24/12/2012	Số 09/HĐ-TĐ	Số BM 753241 ngày	Thuê đất trả tiền

					ngày 9/1/201 3	15/1/2013	hàng năm
	Tổng cộng		73497,5				

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An

STT	Địa chỉ khu đất	Số thửa, tờ bản đồ	Tổng số diện tích sử dụng (m2)	Quyết định giao đất	Hợp đồng thuê đất	Cấp giấy chứng nhận QSD Đ	Đề nghị PASDD
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Khu tập thể CBCNV Khối 14, P.Trường Thi, TP Vinh, Nghệ An	Thửa 28 tờ BĐ 17	1734,4	Số 380/QĐ-UBND.ĐC ngày 27/9/2013	Số 154/HĐ-TĐ ngày 22/10/2013	Đang làm thủ tục	Thuê đất trả tiền hàng năm (Văn phòng làm việc Xí nghiệp cấp nước thành phố Vinh)
2	Trung tâm Dịch vụ khách hàng Số 46 Phan Đăng Lưu, TP Vinh, Nghệ An	Thửa 19 tờ BĐ 8	279,1	Số 673/QĐ-UBND.ĐC ngày 1/10/2015	Chưa	Đang làm thủ tục	Thuê đất trả tiền hàng năm
3	Nhà máy nước Hưng Vĩnh Khối Vĩnh Lâm, P. Đông Vĩnh, TP Vinh, Nghệ An	Thửa 788 Tờ BĐ48	9861,3	Số 477/QĐ-UBND.ĐC ngày 13/7/2015	Số 154/HĐ-TĐ ngày 25/08/2015	Đang làm thủ tục	Thuê đất trả tiền hàng năm
4	Trạm bơm nước thô Cầu Mượu Xã Nam Giang, huyện Nam Đàn, Nghệ An	Thửa số 491 tờ BĐ 19	2907,7	Số 675/QĐ-UBND ngày 1/10/2015	Chưa	Đang làm thủ tục	Thuê đất trả tiền hàng năm
5	Trạm cấp nước Hưng Hòa Xóm Khánh Hậu, xã Hưng Hòa, TP Vinh, Nghệ An	Thửa 985 tờ BĐ 12	4000	Chưa	Chưa	Đang làm thủ tục	Thuê đất trả tiền hàng năm
6	Trạm cấp nước Đô Lương Xã Đông Sơn, Huyện Đô Lương,	Thửa 124, tờ BĐ 17	4333,3	QĐ số 285/QĐUB ngày	Chưa	Đang làm thủ tục	Thuê đất trả tiền hàng năm

	Nghệ An			3/4/2000			
7	Trạm cấp nước Anh Sơn Thị trấn Anh Sơn, huyện Anh Sơn, Nghệ An	Thửa 91 tờ BĐ 9	744,9	QĐ số 656/QĐ- UBND.ĐC ngày 22/09/2015	Chưa	Đang làm thủ tục	Thuê đất trả tiền hàng năm
8	Trạm cấp nước Tân Kỳ Xã Kỳ Tân, Huyện Tân Kỳ, Nghệ An	Thửa 8, tờ BĐ 45	1929,5	QĐ số 655/QĐUB ND.ĐC ngày 22/09/2015	Chưa	Đang làm thủ tục	Thuê đất trả tiền hàng năm
9	Trạm cấp nước Quỳnh Châu Khối 2, TT Tân Lạc, Huyện Quỳnh Châu, Nghệ An	Thửa 65, tờ BĐ 25	684,1	QĐ số 286/QĐUB ngày 03/4/2000	Chưa	Đang làm thủ tục	Thuê đất trả tiền hàng năm
10	Trạm cấp nước Con Cuông Khối 4, TT Con Cuông, H Con Cuông, Nghệ An	Thửa 05, tờ BĐ 02	2736,36	QĐ số 280/QĐUB ngày 03/4/2000	Chưa	Đang làm thủ tục	Thuê đất trả tiền hàng năm
11	Trạm cấp nước Quỳnh Hợp Huyện Quỳnh Hợp, Nghệ An	Thửa 2,3,21 ,20,25 ,40 tờ BĐ 03	2616,5	QĐ số 282/QĐUB ngày 03/4/2000	Chưa	Đang làm thủ tục	Thuê đất trả tiền hàng năm
12	Trạm cấp nước TT Mường Xén Khối 3, TT Mường Xén, Huyện Kỳ Sơn		3130,5	Chưa có	Chưa	Đang làm thủ tục	Thuê đất trả tiền hàng năm
13	Trạm cấp nước Tương Dương, Huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An		4.087,1	Chưa có	Chưa	Đang làm thủ tục	Thuê đất trả tiền hàng năm
14	Trạm cấp nước Nam Đàn; Huyện Nam Đàn, Nghệ An		2367	Chưa có	Chưa	Đang làm thủ tục	Thuê đất trả tiền hàng năm
15	Trạm cấp nước Quang Trung Phường Quang Trung, TP Vinh, Nghệ An		444	Chưa có	Chưa	Đang làm thủ tục	Thuê đất trả tiền hàng năm

16	Bể nước tròn Đường Nguyễn Xí, TP Vinh, Nghệ An		696,7	Chưa có	Chưa	Đang làm thủ tục	Thuê đất trả tiền hàng năm Xây dựng trạm bơm tăng áp phường Trường Thị và kho để vật tư
Tổng cộng:			42.552,46				

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An. Kế hoạch chia số dư Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Căn cứ vào Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2014 được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA – Chi nhánh miền Trung, số dư bằng tiền tại Quỹ khen thưởng, phúc lợi tại Công ty là 3.178.375.464 VNĐ.

Căn cứ vào Điều 19, Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần như sau:

“Số dư bằng tiền của Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi, sau khi bù đắp các khoản đã chi vượt quá chế độ cho người lao động, được chia cho người lao động đang làm việc ở doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp theo số năm công tác tại doanh nghiệp cổ phần hóa”

Do đó, toàn bộ số dư **3.178.375.464** đồng tại Quỹ khen thưởng phúc lợi trên báo cáo tài chính trên sẽ được chia cho người lao động đang làm việc (chưa chấm dứt hợp đồng lao động) tại Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An căn cứ dựa trên số năm công tác tại Công ty tính đến thời điểm 0h00 ngày 01/07/2014.

Tuy nhiên đến thời điểm có Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp ngày 02/10/2015 số dư quỹ trên đã được chi hết cho cán bộ công nhân viên có tên trong danh sách tại thời điểm 30/6/2014.

4. Phương án sắp xếp lại lao động

Nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phát huy được năng lực của người lao động sau khi chuyển sang loại hình công ty cổ phần; dựa trên cơ sở hiện trạng đội ngũ lao động hiện có của doanh nghiệp, nhu cầu lao động dự kiến

của Công ty giai đoạn sau cổ phần hóa và các quy định của pháp luật về lao động, Công ty dự kiến sẽ tiến hành phương án sắp xếp lại lao động như sau:

STT	Chỉ tiêu	Tổng số người
I	Tổng số lao động tại thời điểm tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp	693
1	- Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ (Đại diện cho phần vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp)	03
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ	668
	<i>a) Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn</i>	499
	<i>b) Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng</i>	143
	<i>c) Lao động làm việc theo mùa vụ hoặc theo công việc nhất định có thời gian dưới 12 tháng</i>	26
3	Lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao động của công ty	22
II	Số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa	47
1	Số lao động đủ điều kiện nghỉ hưu theo chế độ hiện hành	0
2	Số lao động sẽ chấm dứt hợp đồng lao động. Chia ra:	0
	<i>a) Hết hạn hợp đồng lao động</i>	0
	<i>b) Tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động (thôi việc)</i>	0
	<i>c) Chấm dứt hợp đồng lao động với lý do khác theo quy định của pháp luật</i>	0
3	Lao động chờ nghỉ việc theo Quyết định của GD	05
4	Số LĐ không bố trí được việc làm tại thời điểm CPH, chia ra:	42
	<i>a) Số lao động thực hiện theo Nghị định 63/2015/NĐ-CP</i>	41
	<i>b) Số lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động và trả trợ cấp mất việc làm</i>	01
III	Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại Công ty Cổ phần	646
1	Số lao động không ký hợp đồng lao động	03
2	Số lao động mà HĐLĐ đang còn thời hạn	620
3	Số lao động nghỉ hưởng chế độ BHXH. Chia ra:	23
	<i>a) Ốm đau</i>	01

	<i>b) Thai sản</i>	22
	<i>c) Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp</i>	0
4	Số LĐ tạm hoãn thực hiện HĐLĐ, chia ra:	0
	<i>a) Nghĩa vụ quân sự</i>	0
	<i>b) Nghĩa vụ công dân khác</i>	0
	<i>c) Bị tạm giam, tạm giữ</i>	0
	<i>d) Do hai bên thỏa thuận (không quá 3 tháng)</i>	0

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An

4.1. Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần.

Sau khi chuyển đổi sang công ty cổ phần, tổng cộng lao động tại Công ty là: **646** người, chi tiết cụ thể như sau:

Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần

STT	Trình độ	Tổng số người	Tỷ lệ (%)
I	Phân loại theo trình độ Lao động	646	100
1	Trên đại học	03	0,46
2	Đại học	230	35,60
3	Cao đẳng, trung cấp	311	48,14
4	CN kỹ thuật, LĐPT, trình độ khác	102	15,80
II	Phân theo giới tính	646	100
1	Nam	347	53,72
2	Nữ	299	46,28
III	Phân theo hình thức hợp đồng	646	100
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	03	0,46
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	474	73,37
3	Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ 1 đến 3 năm	143	22,14
4	Lao động làm việc theo mùa vụ, theo công việc nhất định dưới 12 tháng	26	4,03
5	Tạm hoãn HĐLĐ thực hiện nghĩa vụ quân sự	0	0

IV	Phân theo phòng ban	646	100
1	Phòng TC - HC	19	2,94
2	Ban Thanh Tra	14	2,17
3	Phòng KH - KT	32	4,95
4	Tổ XD CB	7	1,0
5	Phòng Tài vụ	11	1,70
6	Phòng Kinh doanh	62	9,60
7	Chi nhánh DVCN số 1	23	3,56
8	Chi nhánh DVCN số 2	37	5,37
9	Chi nhánh DVCN số 3	39	6,04
10	Chi nhánh DVCN số 4	32	4,95
11	Chi nhánh DVCN số 5	39	6,04
12	Nhà máy nước Hưng Vĩnh	66	10,22
13	Đội XM - SC	16	2,48
14	Xí nghiệp cấp nước CTT MT	113	17,49
15	Xí nghiệp xây lắp nước	4	0,62
16	Ban QLDA CTMCTTN	9	1,39
17	Xí nghiệp CN vùng PC Vinh	76	11,76
18	Trung tâm cấp nước sạch Hưng Nguyên	30	4,64
19	Tạm ngừng việc	17	2,64

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An

Sau khi Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An chuyển sang hình thức Công ty cổ phần, Công ty dự kiến có nhu cầu tuyển dụng thêm Cán bộ công nhân viên đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

4.2. Chính sách giải quyết lao động dôi dư

Thực hiện theo chính sách trợ cấp dôi dư cho người lao động trong Nghị định 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

Tổng dự toán chi phí chi trả cho người lao động dôi dư được lập và tính tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp ngày 02/10/2015 (thời điểm được phê duyệt giá trị Doanh nghiệp) **3.740.941.150 VNĐ**

Danh sách tính toán chi tiết theo Phụ lục 11, 12 kèm theo

- Nguồn kinh phí dự kiến chi trả lấy từ tiền bán cổ phần: **3.726.451.150 VNĐ**.

Trong đó:

- Dự kiến chi trả cho 19 người lao động thuộc Khoản 1 Điều 3 Nghị định 63/2015/NĐ-CP: **2.000.597.500 VNĐ**

- Dự kiến chi trả cho 03 người lao động thuộc Khoản 2 Điều 3 Nghị định 63/2015/NĐ-CP: **60.950.000 VNĐ**

- Dự kiến chi trả cho 24 người lao động thuộc Khoản 4 Điều 3 Nghị định 63/2015/NĐ-CP: **1.664.903.650 VNĐ**.

- Nguồn kinh phí dự kiến chi trả từ chi phí của Doanh nghiệp cho 01 người lao động: **14.490.000 VNĐ**.

(Chi trả cho người lao động thuộc Điều 4 Nghị định 63/2015/NĐ-CP)

Tại thời điểm chính thức được phê duyệt phương án sắp xếp lao động, Công ty sẽ lập Quyết toán kinh phí trình Ban chỉ đạo cổ phần hóa và Sở Lao động Thương Binh Xã Hội tỉnh Nghệ An phê duyệt, đồng thời sẽ ra quyết toán chi phí chi trả cho người lao động. Trên cơ sở quyết toán, Công ty sẽ ra quyết định thôi việc và chi trả trợ cấp cho người lao động dôi dư.

4.3. Chính sách đối với người lao động khi chuyển sang công ty cổ phần

Các chính sách về lao động của Công ty cổ phần Cấp nước nghệ An trong giai đoạn 2015 - 2020 có những điểm chính sau:

- Việc trả lương, trả thưởng thực hiện theo quy chế trả lương trả thưởng của Công ty theo mức độ hoàn thành và độ phức tạp của công việc.

- Thực hiện mua BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động theo chế độ chính sách nhà nước.

- Kế hoạch cụ thể về Quỹ lương của Công ty sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định trên cơ sở đề xuất của Ban Giám đốc theo đúng quy định hiện hành.

- Căn cứ các quy định của pháp luật về lao động, kế hoạch kinh doanh và tình hình cụ thể của quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty, Công ty sẽ có chế độ

lương, thưởng thích hợp để kích thích lực lượng lao động, đồng thời đảm bảo các yêu cầu về mặt tài chính của Công ty.

- Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật, thoả ước lao động (hoặc qui chế chi tiêu nội bộ) và các chính sách của Công ty

5. Chi phí cổ phần hóa:

Tổng giá trị tài sản của Công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 30/6/2014 là 445.744.956.596 VNĐ.

Căn cứ Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn cổ phần lần đầu và quản lý sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần thì doanh nghiệp được chi tối đa 500 triệu đồng.

Riêng chi phí bán cổ phần phải nộp trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội là 0.3% trên tổng giá trị cổ phần thực tế bán thành công (tối thiểu 20 triệu và tối đa 300 triệu) nên Công ty không đưa vào bảng dự toán. Chi phí cổ phần hóa sẽ được quyết toán trên cơ sở các chi phí thực tế sau khi kết thúc quá trình cổ phần hóa.

6. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ bán cổ phần

Số tiền thu được từ cổ phần hóa doanh nghiệp sẽ sử dụng để thanh toán chi phí cổ phần hóa và chi trả trợ cấp cho người lao động dôi dư theo chế độ nhà nước quy định.

Trong trường hợp Công ty không đủ nguồn kinh phí để giải quyết chính sách cho người lao động dôi dư khi thực hiện cổ phần hóa, nguồn kinh phí hỗ trợ sẽ được chuyển từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương thành Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp theo quy định tại Điều 43 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ.

Trong trường hợp Công ty còn dư sau khi thanh toán chi phí cổ phần hóa, chi trả trợ cấp cho người lao động dôi dư theo chế độ nhà nước, số tiền còn lại nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp khi cổ phần hóa theo quy định tại Khoản 3, Điều 21 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ.

Số tiền dự kiến nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Khoản mục	Giá trị
1	Vốn nhà nước sau khi đánh giá lại	295.622.076.530
2	Vốn điều lệ Công ty cổ phần làm tròn	295.622.070.000

3	Tổng số tiền thu từ bán cổ phần	141.839.610.000
	- Từ bán cổ phần ưu đãi 60% cho CBCNV (giá mua 6.000đ/cổ phần)	4.342.800.000
	- Cổ phần ưu đãi mua thêm theo số năm cam kết	19.266.000.000
	- Từ bán cổ phần cho Tổ chức Công đoàn	180.000.000
	- Bán cho nhà đầu tư chiến lược	59.025.400.000
	- Từ bán đấu giá công khai	59.025.410.000
4	Chi phí cổ phần hoá đơn vị thực hiện	500.000.000
5	Chi phí dự tính chi trả chế độ cho lao động không bố trí được việc làm khi cổ phần hóa	3.726.451.150
6	Tổng số tiền bổ sung vào Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp = 3 - 4 - 5	137.613.158.850

Số tiền dự kiến nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp chưa bao gồm chi phí bán cổ phần phải nộp lên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội là 0.3% trên tổng giá trị cổ phần thực tế bán thành công (tối thiểu 20 triệu và tối đa 300 triệu). Công ty sẽ quyết toán sau khi kết toán

7. Cơ cấu tổ chức bộ máy và quản lý điều hành sau cổ phần hóa

7.1. Mô hình tổ chức bộ máy khi chuyển thành Công ty cổ phần

Sau khi chuyển đổi thành Công ty cổ phần, Công ty sẽ được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty sau khi chuyển sang Công ty cổ phần bao gồm:

- Hội đồng quản trị; Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- Giám đốc Công ty;
- Các Phó giám đốc;
- Kế toán trưởng;
- Ban Kiểm soát; trưởng ban kiểm soát;
- Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ bao gồm:
- + Phòng Kinh doanh;

- + Phòng Tổ chức – Hành chính;
- + Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật;
- + Phòng Tài vụ.
- Các Đơn vị khác:
 - + Ban QLDA cải tạo mạng giám thất thoát nước TP Vinh (giai đoạn 1);
 - + Ban Thanh tra;
 - + Xí nghiệp xây lắp nước.
 - + Xí nghiệp Cấp nước vùng phụ cận TP Vinh, quản lý 05 trạm cấp nước trực thuộc bao gồm:
 - * Trạm dịch vụ cấp nước số 01, 02, 03;
 - * Trạm cấp nước Nam Đàn;
 - * Trạm cấp nước Cầu Bạch.
 - + Xí nghiệp cấp nước các đô thị miền Tây, quản lý 09 trạm cấp nước trực thuộc bao gồm:
 - * Trạm Kỳ Sơn;
 - * Trạm Tương Dương;
 - * Trạm Con Cuông;
 - * Trạm Anh Sơn;
 - * Trạm Đô Lương;
 - * Trạm Thanh Chương;
 - * Trạm Tân Kỳ;
 - * Trạm Quỳnh Hợp;
 - * Trạm Quỳnh Châu.
 - + Trung tâm cấp nước sạch Hưng Nguyên.
 - + Nhà máy nước Hưng Vĩnh.
 - + 05 chi nhánh dịch vụ cấp nước: số 1, 2, 3, 4 và 5.

Hiện tại bộ máy tổ chức các phòng ban đơn vị của Công ty vẫn hoạt động tương đối ổn định, tuy nhiên sau khi cổ phần hóa cơ cấu tổ chức có thể thay đổi để phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty cổ phần. 8.2 Chức năng, nhiệm vụ bộ máy quản lý, điều hành Công ty

Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.

Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ

những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát hoạt động kinh doanh, hoạt động kiểm soát nội bộ và hoạt động quản lý rủi ro của Công ty.

Hội đồng quản trị của Công ty gồm 05 (năm) người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát là cơ quan kiểm tra hoạt động tài chính của Công ty, giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm tra nội bộ của Công ty.

Ban kiểm soát thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn. Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ.

Ban kiểm soát của Công ty gồm 03 (ba) người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

Ban Giám đốc:

Gồm Giám đốc và các Phó giám đốc. Giám đốc là người quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng thuê. Giúp việc cho Giám đốc là các Phó giám đốc chuyên môn.

Ban Giám đốc Công ty: Gồm 01 Giám đốc và dự kiến tối đa không quá 05 Phó Giám đốc.

Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc:

Chức năng nhiệm vụ của các phòng ban, đơn vị trực thuộc cơ bản hoạt động theo mô hình hiện tại, tuy nhiên khi thay đổi cơ cấu tổ chức chức năng nhiệm vụ của các phòng, ban, đơn vị trực thuộc sẽ được thay đổi cho phù hợp với nhiệm vụ.

7.2. Kế hoạch đào tạo:

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ để đáp ứng về công việc, tùy theo từng thời điểm Công ty sẽ có các chương trình đào tạo để đáp ứng đủ yêu cầu về trình độ kiến thức lãnh đạo, quản lý và chuyên môn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

8. Phương án đầu tư và chiến lược phát triển của Công ty sau khi cổ phần hóa

8.1. Cơ sở xây dựng chiến lược

- Căn cứ nhiệm vụ chính trị do UBND tỉnh Nghệ An giao cho Công ty;
- Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trước khi cổ phần hóa;
- Căn cứ vào nhu cầu thị trường nước sạch trong tương lai.

8.2. Mục tiêu phát triển:

Tổng quan:

Do quy hoạch phát triển không gian đô thị thành phố Vinh và các đô thị các huyện Miền Tây ngày càng được mở rộng vì vậy nhu cầu nước sạch phục vụ cho các khu đô thị, khu công nghiệp, dịch vụ ngày càng tăng lên bên cạnh đó tỉnh Nghệ An đã thu hút được nhiều dự án lớn đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp, khu đô thị, dịch vụ.. như: Tổ hợp Khu công nghiệp - Đô thị và dịch vụ Nghệ An của Tổng Công ty BECAMEX (Bình Dương); Nhà máy sản xuất tôn Hoa Sen của Tập đoàn Hoa Sen; Tổ hợp sản xuất thực phẩm của Tập đoàn Masan; Dự án mở rộng nhà máy Bia Hà Nội - Nghệ An lên 100 triệu lít/năm; Dự án mở rộng Bệnh viện Đa khoa Tỉnh (giai đoạn 2); Dự án Nhà máy sản xuất thực phẩm của nhà đầu tư Thái Lan; Dự án Khu liên hợp công nghiệp, đô thị và dịch vụ VSIP tại Nghệ An (Tổ hợp VSIP 7) do Công ty Liên doanh TNHH Khu Công nghiệp Việt Nam - Singapore làm chủ đầu tư tại Nghệ An....do đó nhu cầu sử dụng nước sạch ngày càng tăng lên, vì vậy việc đầu tư các Hệ thống cấp nước để cung cấp cho các khu vực trên là cần thiết và cấp bách.

Mục tiêu chung:

- Trở thành một trong những Công ty trong nhóm Công ty lớn của ngành cấp nước đô thị Việt Nam;
- Sản lượng nước thương phẩm trên 32 triệu m³/năm và Doanh thu đạt mức trên 250 tỷ VNĐ/năm vào năm 2020;
- Được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng 3;
- Góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân tỉnh nhà.
- Góp phần đưa Nghệ An trở thành một trong những tỉnh dẫn đầu về tỷ lệ người dân đô thị được sử dụng nước sạch từ 90% đến 95%.

Mục tiêu cụ thể:

- Thực hiện theo sự chỉ đạo của UBND tỉnh Nghệ An và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành trong công tác cấp nước, giữ vững ổn định trong hoạt động của Công ty sau cổ phần hóa và đảm bảo việc cấp nước đạt quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành và đảm bảo nhu cầu dùng nước của nhân dân trên địa bàn Công ty đang quản lý.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ công nhân viên đoàn kết, thống nhất, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cao để đáp ứng nhiệm vụ và hoàn thành tốt mọi công việc được giao.

- Mở rộng ngành nghề hoạt động kinh doanh, tiến tới mở rộng thị trường nhằm nâng cao doanh thu, lợi nhuận cho Công ty.

8.3. Chiến lược phát triển 5 năm sau khi cổ phần hóa:

8.3.1 Một số chỉ tiêu chủ yếu 5 năm sau cổ phần hóa

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Khối lượng SP sản xuất nước	m ³	32,573,361	34,910,843	37,472,067	40,112,531	42,077,069
2	Sản lượng nước tiêu thụ	m ³	22,590,700	24,855,466	27,290,949	29,931,072	32,572,121
3	Tỷ lệ thất thoát nước qua mạng	%	27	25	23	21	18
4	Tỷ lệ lượng nước dùng cho bản thân trạm xử lý	%	4	4	4	4	4
5	Khách hàng lắp đặt mới tăng thêm	Hộ	7,300	7,300	6,850	6,350	6,900
6	Doanh thu nước máy	VNĐ	162.465.213,001	178.420.152,916	195.597.090,357	214.282.571,768	234.255.645,931
7	Doanh thu khác	VNĐ	12,950,000	14,410,000,000	13,645,000,000	14,065,000,000	15,110,000,000
8	Lợi nhuận trước thuế	VNĐ	4,369,723,378	5,555,938,399	7,937,345,208	10,750,956,917	6,822,635,906
9	Lợi nhuận sau thuế	VNĐ	3,408,384,235	4,333,631,951	6,191,129,262	8,385,746,395	5,321,656,007
10	Chi trả cổ tức	%	0,81	1,03	1,47	1,99	1,26

8.3.2. Các giải pháp thực hiện

Sau khi cổ phần hóa, Công ty sẽ chủ động sắp xếp lại mô hình tổ chức hoạt động cho phù hợp với mô hình công ty cổ phần nhằm khai thác triệt để các chức năng, ngành nghề hiện có, đáp ứng yêu cầu mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh trong những năm tiếp theo của Công ty. Bên cạnh đó, để thực hiện các chỉ tiêu kinh tế đã đề ra, Công ty đưa ra các giải pháp thực hiện sau:

a) Giải pháp về vốn

Căn cứ vào kế hoạch SXKD Công ty trên các lĩnh vực hoạt động để đưa ra các giải pháp về vốn như sau:

Về huy động vốn:

- Phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, thực hiện các dự án mới;
- Vay vốn của các Ngân hàng;
- Vay vốn của các tổ chức và cá nhân với mức lãi suất phù hợp với tình hình kinh tế và tình hình doanh nghiệp.

Về quản lý vốn:

- Bố trí cơ cấu vốn hợp lý, nhằm tận dụng tối đa tiền vốn hiện có;
- Đầu tư vốn có trọng điểm, dùng các biện pháp nghiệp vụ để tăng nhanh vòng quay của đồng vốn;
- Tăng cường công tác thu hồi các khoản tiền vốn đang bị chiếm dụng để giảm bớt các nguồn vốn vay: Thành lập tổ thu hồi công nợ do Kế toán trưởng trực tiếp chỉ đạo. Bộ phận này phải lập kế hoạch, đưa ra các giải pháp cụ thể cho việc thu hồi từng khoản nợ của các đối tượng. Đảm bảo thu hồi nhanh nhất các khoản nợ, nhất là các khoản nợ dây dưa kéo dài. Có chế tài thích hợp để bộ phận thu hồi công nợ hoạt động có hiệu quả.

b) Giải pháp kỹ thuật.

- Đầu tư phân vùng tách mạng khu vực thành phố Vinh và vùng phụ cận, đầu tư trang thiết bị, đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao cho công tác chống thất thoát, thất thu nước sạch nhằm giảm tỷ lệ thất thoát toàn bộ hệ thống cấp nước, xác định đúng nhu cầu về áp lực, lưu lượng từng tuyến ống để vận hành quản lý mạng lưới hoạt động một cách hiệu quả.

- Đầu tư các dự án trọng điểm để xây mới, cải tạo và mở rộng nhà máy nước (Hung Vĩnh, Cầu Bạch, Đô lượng), ống truyền dẫn, ống phân phối nước, vùng phục vụ mới để đáp ứng nhu cầu nước sinh hoạt, sản xuất và du lịch, nước cho Tổ hợp khu công nghiệp đô thị VSIP 7 Nghệ An. Xây dựng lộ trình thực hiện đầu tư các dự án cấp nước phù hợp với tiến độ các dự án phát triển kinh tế - xã hội, đô thị du lịch và các khu công nghiệp của tỉnh Nghệ An.

- Tiếp tục đầu tư hệ thống công nghệ thông tin phục vụ theo dõi, quản lý hệ thống cấp nước, chất lượng nước và khách hàng trên nền tảng công nghệ SCADA và GIS, có lộ trình thực hiện cụ thể:

- + Thiết lập phần mềm quản lý vật tư, máy móc thiết bị, kiểm định đồng hồ;
- + Nâng cấp và duy trì Website của Công ty;

+ Nâng cấp mở rộng hệ thống SCADA đến tất cả các vùng cấp nước của Công ty.

c) Giải pháp quản lý

- Tổ chức tổng kiểm tra cơ bản tất cả các đối tượng dùng nước, phối hợp với các cấp chính quyền địa phương, công an để làm công tác điều tra khách hàng xử lý các vụ vi phạm trong việc dùng nước, cắt bỏ hộ vi phạm sử dụng nước hoặc đấu nối trái phép và xử lý nghiêm.

- Mọi hoạt động của các phòng ban, bộ phận của Công ty, phải phục vụ công tác ghi và thu có hiệu quả. Điều này phải được quán triệt đến tất cả cán bộ công nhân viên trong công ty. Nhân viên ghi thu là những người bán hàng trực tiếp cần được tuyển chọn và đào tạo thật tốt để có đủ trình độ và phẩm chất làm việc cho Công ty.

- Cải thiện mức độ dịch vụ đến với khách hàng. Công ty phải chịu trách nhiệm đến cùng với sản phẩm của mình, trực tiếp giải quyết các tồn tại, vướng mắc đáp ứng kịp thời các đòi hỏi của khách hàng. Đảm bảo sự công bằng giữa người mua và người bán, khách hàng dùng bao nhiêu trả bấy nhiêu.

- Tiếp tục hoàn thiện chế độ trả lương gắn với vị trí, hiệu quả công việc nhằm khuyến khích, động viên cán bộ, công nhân viên làm việc có hiệu quả và có quy chế phạt nghiêm khắc đối với những người vi phạm quy định của Công ty.

- Xây dựng mạng lưới thông tin với khách hàng thật tốt nhằm phát hiện các đầu máy sọt, trái phép và phát hiện rò rỉ, tiếp nhận các thông tin về cấp nước để kịp thời sửa chữa và thi công đấu mới, làm cơ sở cho khả năng tăng số hộ khách hàng dùng nước.

- Để đạt được mục tiêu phát triển vừa đảm bảo cấp nước, vừa phải đạt được kết quả kinh doanh trước hết Công ty phải sắp xếp bộ máy tổ chức theo mục tiêu kinh doanh mà quan trọng nhất là nâng cao năng lực cấp nước và công tác ghi thu sản phẩm cấp nước.

d) Giải pháp về tổ chức sản xuất

- Xây dựng mô hình tổ chức sản xuất của Công ty đảm bảo gọn nhẹ, hiệu quả; tính toán phương án thi công tối ưu nhất để vừa tiết kiệm vừa mang lại hiệu quả kinh tế cao;

- Phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ năng lực, chuyên môn hoá cao nhằm phát huy tối đa tính chủ động sáng tạo của các bộ phận, cá nhân;

- Hàng năm, Công ty có kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ quản lý, trình độ chuyên môn, tay nghề cho CBCNV;

- Có hướng quy hoạch cán bộ lâu dài, đội ngũ kế cận và có kế hoạch tiếp nhận tuyển dụng kỹ sư, cán bộ kỹ thuật, công nhân chuyên ngành.

- Phát động phong trào thi đua thường xuyên, hàng quý, hàng tháng trên các công trình trọng điểm, các giai đoạn cần thiết, thi đua hoàn thành đúng tiến độ, chất lượng.

e) Giải pháp về lao động, tiền lương

Về chính sách lao động:

- Đảm bảo đủ số lượng và chất lượng lao động phù hợp với quy mô tổ chức sản xuất của Công ty trong từng giai đoạn cụ thể;

- Không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ kỹ thuật, quản lý bằng các biện pháp cụ thể: Gửi đi học các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

- Tổ chức đào tạo, nâng cao tay nghề của đội ngũ công nhân kỹ thuật bằng các hình thức như: Đào tạo tại chỗ và gửi đi học các trường đào tạo nghề;

- Đưa ra các chính sách đãi ngộ thỏa đáng nhằm thu hút những cán bộ kỹ thuật, quản lý có trình độ chuyên môn cao, công nhân kỹ thuật có trình độ lành nghề;

Về chính sách tiền lương:

- Xây dựng đơn giá tiền lương trên cơ sở định mức lao động hợp lý;

- Đối với lao động trực tiếp: Khoán tiền lương theo từng đơn vị sản phẩm, hạng mục công việc đến từng bộ phận quản lý và người lao động;

- Có chế độ khen thưởng kịp thời cho các tập thể, cá nhân có sáng kiến cải tiến sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cho công ty;

- Thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động: Trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế,...

f) Giải pháp về công tác chính trị, tư tưởng, đoàn thể

- Chịu sự lãnh đạo của các Sở, ban ngành và UBND tỉnh Nghệ An thường xuyên phối hợp với Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc đưa ra các đường lối, chủ trương, các biện pháp, giải pháp cụ thể để thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội theo

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; động viên tinh thần đối với người lao động thuộc tổ chức mình để họ phấn khởi yên tâm thi đua lao động sản xuất.

- Giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ Đảng viên, người lao động thực hiện đúng đường lối chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Tăng cường giáo dục đội ngũ CBCNV phát huy truyền thống hơn 58 năm phát triển và trưởng thành của Công ty để đưa Công ty ngày càng phát triển một cách vững chắc.

- Phát động các phong trào thi đua nhằm động viên các bộ phận đơn vị hoàn thành nhiệm vụ; Khen thưởng kịp thời về vật chất và tinh thần cho các đơn vị, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao;

- Quan tâm đến đời sống tinh thần của người lao động bằng cách thường xuyên tổ chức các hoạt động phong trào: Thể dục thể thao, văn hoá, văn nghệ ...

9. Rủi ro dự kiến

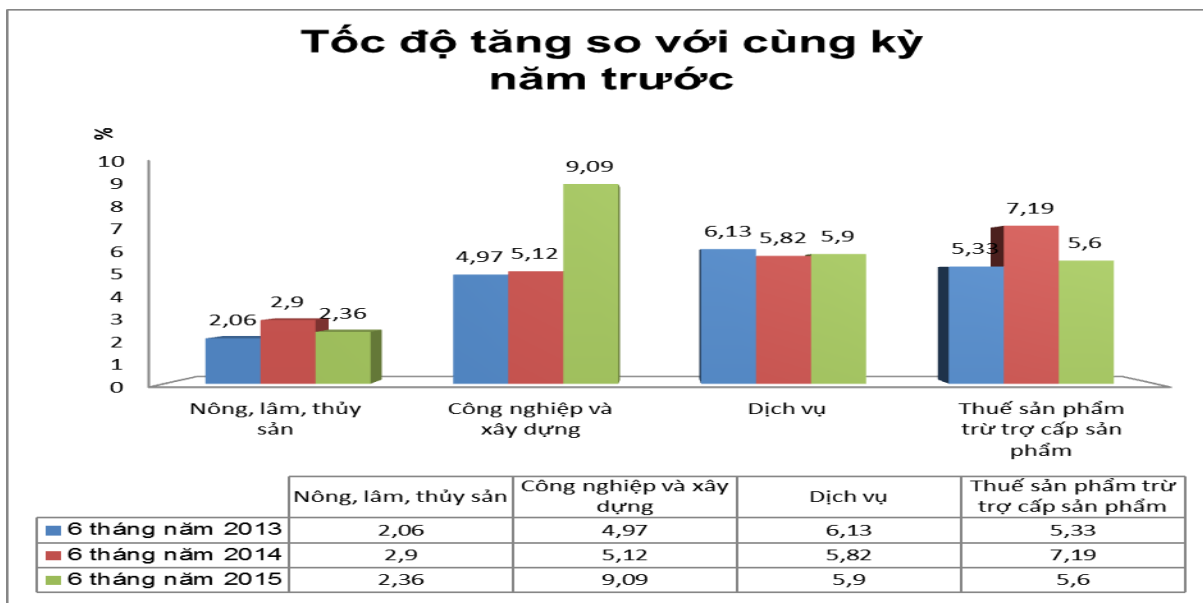
9.1. Rủi ro kinh tế

9.1.1. Rủi ro tăng trưởng

Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng những rủi ro nhất định. Những rủi ro đó hình thành từ chính sự biến động của các nhân tố cơ bản trong nền kinh tế: tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái. Công ty TNHH Cấp nước Nghệ An là một chủ thể tham gia vào nền kinh tế nên cũng không nằm ngoài những ảnh hưởng và tác động từ sự thay đổi của những nhân tố đó.

Trong nửa đầu 2015, nền kinh tế Việt Nam đứng trước nhiều cơ hội để tiếp đà phục hồi với kỳ vọng tăng trưởng GDP vào khoảng 6,0 - 6,2%, cao hơn mức kỳ vọng 5,9% của năm 2014. Có thể nhận định rằng năm 2015 sẽ là một năm nhiều hứa hẹn của thị trường này. Các hiệp định Thương mại sắp được ký kết tạo điều kiện phát triển thuận lợi mà cũng không ít thách thức cho các doanh nghiệp trong nước.

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) 6 tháng đầu năm 2015 ước tính tăng 6,28% so với cùng kỳ năm 2014, trong đó quý I tăng 6,08%; quý II tăng 6,44%. Trong mức tăng 6,28% của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,36; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,09; khu vực dịch vụ tăng 5,90%.



Nguồn: Tổng cục thống kê

Tuy nhiên bên cạnh đó vẫn còn nhiều rủi ro mà nền kinh tế Việt Nam có thể phải đối mặt trong năm 2015, bao gồm:

Kinh tế thế giới nguy cơ tăng trưởng chậm lại đặc biệt là khu vực châu Âu, Trung Quốc và Nhật Bản, tác động tiêu cực tới thương mại toàn cầu cũng như xuất khẩu của Việt Nam, kể cả các doanh nghiệp FDI.

Giá hàng hóa nguyên liệu thô và năng lượng giảm mạnh ảnh hưởng xuất khẩu của Việt Nam do đây là các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của các doanh nghiệp trong nước, trong khi Việt Nam nhập khẩu nhiều hàng tiêu dùng có giá trị cao do đó cán cân thương mại sẽ bị bất lợi.

Mất cân đối chi tiêu Ngân sách khi 70% chi ngân sách là dùng để chi thường xuyên, chỉ có 17% là cho đầu tư phát triển, phần còn lại là để trả nợ gốc. Giá dầu giảm cũng làm giảm đáng kể nguồn thu ngân sách nhà nước khiến Chính phủ có thể phải phát hành nhiều nợ hơn, cạnh tranh vốn với khu vực tư nhân và làm tăng mặt bằng lãi suất.

Đồng USD tăng giá so với nhiều đồng tiền mạnh khác cũng như các đồng tiền khác trong khu vực, gây ra áp lực giảm giá đồng Việt Nam.

9.1.2. Rủi ro lạm phát

Lạm phát thường xảy ra do hai nguyên nhân chính là chi phí đẩy hoặc cầu kéo. Tổng cầu gia tăng do sự gia tăng của tiêu dùng hộ gia đình, chi tiêu Chính phủ, đầu tư và thay đổi ròng từ hoạt động xuất nhập khẩu.

Nửa cuối năm 2014 chứng kiến xu hướng giảm bất thường của chỉ số giá. Mới 3 năm trước chống lạm phát cao và tái lập các cân đối vĩ mô là ưu tiên số một của Chính phủ thì lạm phát thấp hiện đang đặt ra những thách thức mới cho công tác điều hành kinh tế. Hiện tượng giảm giá hàng hóa cơ bản được ghi nhận trên toàn cầu, đều do nhu cầu tiêu thụ suy yếu trong khi nguồn cung tăng vọt. Chỉ số giá lương thực và thực phẩm thế giới giảm tháng thứ 16 liên tiếp. Giá dầu thế giới đã giảm 25% trong vòng 4 tháng qua. Giá dầu tương lai giảm càng làm gia tăng nguồn cung trong ngắn hạn, đẩy giá dầu tụt dốc nhanh. Lạm phát thấp có thể làm giảm tổng cầu trong ngắn hạn và kéo lạm phát xuống thấp hơn. Người tiêu dùng có thể kỳ vọng giá cả sẽ tiếp tục giảm trong tương lai nên hạn chế chi tiêu hiện tại. Đối với doanh nghiệp, giá cả hàng hóa thấp làm giảm doanh thu và tăng gánh nặng nợ thực. Doanh nghiệp khó khăn tìm nguồn thu để trả nợ nên sẽ hạn chế đầu tư và vay mượn.

Đến nửa đầu năm 2015, lạm phát của Việt Nam duy trì ở mức thấp, nhưng có thể cao hơn chút đỉnh so với năm 2014. Nguyên nhân là do, giá cả hàng hóa thế giới được dự báo sẽ tiếp tục giảm; tăng trưởng tín dụng dự kiến sẽ tăng (nhờ mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2015 là 6,2% được Quốc hội thông qua); Chỉ số giá hàng phi lương thực, thực phẩm đã có xu hướng giảm tháng thứ 6 liên tiếp; Sự gia tăng của các yếu tố tổng cầu, như: sự phục hồi kinh tế, việc ký kết các hiệp định thương mại tự do, cải thiện môi trường đầu tư, nên đầu tư tư nhân và đầu tư của Chính phủ sẽ gia tăng, tiêu dùng tư nhân được cải thiện do kinh tế phục hồi và tiền lương được cải thiện... Tuy nhiên diễn biến lạm phát 6 tháng cuối năm 2015 vẫn sẽ phụ thuộc nhiều vào việc điều chỉnh giá của các mặt hàng thiết yếu, đặc biệt là do Nhà nước quản lý như xăng dầu, giáo dục, điện nước... Việc tăng giá các mặt hàng thiết yếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

9.1.3. Rủi ro lãi suất

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty có thể sử dụng đến kênh huy động vốn từ tín dụng và chịu lãi suất sử dụng vốn vay, khi đó, chỉ cần một sự biến động nhỏ về lãi suất trong chiến lược điều hành chính sách tiền tệ của Nhà nước cũng có thể ảnh hưởng đến chi phí tài chính và lợi nhuận của Công ty.

Năm 2015, mặt bằng lãi suất áp dụng đã ở mức thấp hơn nhiều so với năm 2014. Lãi suất cho vay ngắn hạn khoảng 8 - 9%/năm, trung - dài hạn khoảng 9 - 10%/năm... Gần đây, các ngân hàng quy mô lớn trên thị trường đưa ra những gói sản phẩm tín dụng với mức lãi suất thấp.. Tuy nhiên trên thực tế, để tiếp cận được nguồn vốn vay với lãi suất hấp dẫn là một vấn đề còn khó khăn đối với Công ty nói riêng và các doanh nghiệp khác nói chung.

9.2. Rủi ro về luật pháp

Là doanh nghiệp Nhà nước chuyển đổi sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống các Luật, Nghị định... liên quan đến chương trình cổ phần hóa và Luật doanh nghiệp, thuế... Bên cạnh đó, do hoạt động trong lĩnh vực nước sạch nên công ty cũng chịu sự điều chỉnh của các luật khác như: Luật Bảo vệ môi trường, Luật tài nguyên nước...

9.3 Rủi ro đặc thù

9.3.1. Rủi ro từ nguồn nước tự nhiên khai thác

Doanh nghiệp sản xuất nước sạch chịu sự ảnh hưởng của hai yếu tố chính là nước thô và nguyên vật liệu. Nguyên vật liệu đầu vào của Công ty chủ yếu là các hóa chất, không chiếm nhiều tỷ trọng trong giá vốn.

Nguyên liệu đầu vào để sản xuất nước sạch được khai thác từ nguồn nước tự nhiên. Nước thô phụ thuộc vào sự ổn định trữ lượng nguồn nước và chất lượng nước. Tuy nhiên Công ty có thể gặp các rủi ro từ điều kiện tự nhiên của nguồn nước như: nguy cơ nhiễm mặn, nguy cơ ô nhiễm từ các nhà máy trên địa bàn, giảm lưu lượng nước, đặc biệt vào mùa khô...

9.3.2. Rủi ro thất thoát nước

Rủi ro thất thoát nước có thể xảy ra do hệ thống đường ống gặp trục trặc hoặc do các tổ chức, cá nhân thi công công trình làm bể đường ống cấp nước. Nguy cơ này làm cho việc cung cấp nước sạch không được liên tục, lưu lượng, áp lực và chất lượng nước không được đảm bảo.

9.3.3. Rủi ro về giá cả

Ngành cấp nước là ngành dịch vụ công chịu sự kiểm soát của nhà nước. Các doanh nghiệp cấp nước phải tuân thủ các quy định pháp luật về khai thác, sản xuất và cung cấp nước. Đặc biệt, giá nước luôn được nhà nước quan tâm, điều chỉnh sao cho hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp cấp nước và đối tượng sử dụng nước bằng cách ban hành các khung giá nước áp dụng cho từng khu vực liên quan trong phạm vi cả nước. Với khung giá nước được định sẵn kèm theo tỷ lệ thất thoát nước cao luôn được xem là hạn chế trong việc đảm bảo sự tăng trưởng lợi nhuận cho doanh nghiệp cấp nước.

Trong chiến lược phát triển ngành cấp nước tới 2025, Việt Nam đang hướng tới xây dựng một thị trường cấp nước cạnh tranh hơn bằng cách xã hội hóa ngành cấp nước. Khi đó, tất yếu sẽ xảy ra sự cạnh tranh giữa những doanh nghiệp cấp nước về mức giá bán và chất lượng cung cấp. Tuy nhiên, việc xây dựng một thị trường như vậy là một quá trình lâu dài, có thể mất khoảng 15 - 20 năm theo lộ trình ngành cấp nước.

9.3.4 . Rủi ro tài chính

Do đặc điểm ngành cấp nước, công ty cần phải đầu tư mới cho máy móc thiết bị, hệ thống đường ống nhằm giảm thiểu tối đa tỷ lệ thất thoát nước sạch. Vì vậy, tài sản cố định luôn chiếm tỷ lệ cao trong tổng tài sản của công ty. Điều này một phần cũng tác động đến việc Công ty phải sử dụng các nguồn vay nợ để tài trợ cho các hoạt động này.

Hiện tại, công ty đang sử dụng các hệ thống sản xuất bằng nguồn vốn vay. Trong tương lai phát sinh các khoản trả nợ vay cả gốc và lãi là một khoản chi phí phát sinh lớn mà công ty phải có trách nhiệm trả. Sẽ rất khó khăn cho công ty nếu công tác quản lý sản xuất và sản phẩm không hiệu quả sẽ gây ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và nguồn tài chính của đơn vị.

Hoạt động kinh doanh của công ty là thực hiện nhiệm vụ an sinh xã hội nên vấn đề lợi nhuận chưa đạt được kết quả như mong muốn. Đây cũng là rào cản lớn, cản trở khả năng chi trả vốn vay của doanh nghiệp trong tương lai.

9.4. Rủi ro của đợt chào bán

Giá cổ phiếu chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố như tình hình kinh tế vĩ mô, tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp... Ngoài ra, việc Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An chào bán cổ phiếu trong giai đoạn thị trường chưa có nhiều diễn biến thuận lợi, nền kinh tế vẫn chưa hoàn toàn hồi phục từ sau cuộc khủng hoảng năm 2008, tính thanh khoản trên thị trường chứng khoán, đặc biệt là trên thị trường OTC không cao.

Bên cạnh đó do hoạt động trong lĩnh vực công ích nên sự quan tâm của các nhà đầu tư đến Công ty còn chưa nhiều.

9.5. Rủi ro khác.

Ngoài những rủi ro nêu trên, các rủi ro khác như thiên tai, địch họa, v.v... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

10. Kế hoạch niêm yết, đăng ký giao dịch

Chấp hành nghiêm túc các quy định của Quyết định 51/2014/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ, Công ty có kế hoạch đăng ký đại chúng, lưu ký tập trung và niêm yết chứng khoán trên sàn UPCOM thông qua Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương ngay sau khi hoàn tất tiến trình cổ phần hóa, tạo tiền đề để niêm yết trên HNX trong những giai đoạn tiếp theo. Đây là cơ hội để doanh nghiệp huy động vốn trên thị trường, phục vụ mục tiêu phát triển,

nâng cao các dịch vụ, đồng thời mở rộng cơ hội kinh doanh, các mối quan hệ và đối tác chiến lược nước ngoài.

PHẦN III: TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐƯỢC DUYỆT

Sau khi Phương án cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An được Ban đổi mới và phát triển doanh nghiệp tỉnh Nghệ An phê duyệt, Công ty sẽ tổ chức thực hiện đề án theo tiến độ cụ thể như sau:

I. TỔ CHỨC BÁN CỔ PHẦN

1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa lựa chọn Phương thức bán cổ phần theo quy định.
2. Tổ chức bán cổ phần:
 - 2.1. Tổ chức bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược.
 - 2.2. Tổ chức bán đấu giá công khai cho các nhà đầu tư.
 - 2.3. Trên cơ sở giá bán cho nhà đầu tư chiến lược hoặc giá đấu thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư, Ban chỉ đạo cổ phần hóa: Chỉ đạo doanh nghiệp bán cổ phần ưu đãi, cổ phần cam kết cho người lao động và tổ chức Công đoàn tại doanh nghiệp.
3. Tổng hợp kết quả bán cổ phần báo cáo cơ quan quyết định cổ phần hóa.
4. Báo cáo cơ quan quyết định cổ phần hóa ra quyết định điều chỉnh quy mô, cơ cấu cổ phần của doanh nghiệp cổ phần hóa đối với trường hợp không bán cổ phần cho các đối tượng theo đúng phương án cổ phần hóa đã phê duyệt.

II. HOÀN TẤT VIỆC CHUYỂN DOANH NGHIỆP THÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN.

1. Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất;

Ban chỉ đạo cổ phần hóa chỉ đạo Tổ giúp việc và Doanh nghiệp tổ chức đại hội cổ đông lần thứ nhất để thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động, phương án sản xuất kinh doanh, bầu hội đồng quản trị, ban kiểm soát.

2. Hội đồng quản trị thực hiện đăng ký kinh doanh, nộp con dấu của doanh nghiệp cũ và xin khắc dấu của Công ty cổ phần.
3. Lập báo cáo tài chính tại thời điểm được cấp giấy chứng nhận kinh doanh lần đầu, thực hiện quyết toán thuế, quyết toán chi phí cổ phần hóa, báo cáo cơ quan quyết định cổ phần hóa.
4. Công ty cổ phần mua hoặc in tờ cổ phiếu cấp cho các cổ đông theo qui định hiện hành.

5. Tổ chức ra mắt Công ty cổ phần và thực hiện báo cáo trên phương tiện thông tin đại chúng theo qui định.

Trường hợp doanh nghiệp xác định sẽ thực hiện niêm yết ngay trên thị trường chứng khoán thì lập bộ hồ sơ xin cấp phép niêm yết gửi Bộ Tài chính (Ủy ban chứng khoán Nhà nước) theo qui định hiện hành.

6. Tổ chức bàn giao giữa doanh nghiệp và Công ty cổ phần.

Trong quá trình thực hiện, cơ quan quyết định cổ phần hóa, Ban chỉ đạo cổ phần hóa, Tổ giúp việc và Doanh nghiệp có thể tiến hành đồng thời nhiều bước một lúc để đẩy nhanh tiến độ cổ phần hóa Công ty nhà nước.

PHẦN IV: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An là thật sự cần thiết nhằm chuyển đổi hình thức hoạt động của Công ty cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian sắp tới.

Công ty kính đề nghị UBND tỉnh Nghệ An xem xét các đề nghị của Công ty tại Phần III mục I.5. (b), trang 52; Phần III mục II.2.1. (b), trang 56; Phần III mục II.2.2.5. (g), trang 60.

Kính trình UBND tỉnh Nghệ An xem xét và quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa và cho phép Công ty bán cổ phần lần đầu ra bên ngoài theo phương án được phê duyệt./.

Nghệ An, ngày tháng năm 2015

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC NGHỆ AN
CHỦ TỊCH - GIÁM ĐỐC



Nguyễn Xuân Thắng

Phương án bao gồm 04 phần, 88 trang, và được lập thành 8 bản có giá trị như nhau:

- 07 bản gửi Ban chỉ đạo cổ phần hóa;
- 01 bản lưu trữ tại trụ sở Công ty;

Mọi sao chép, trích lục phải được ký xác nhận của Chủ sở hữu Công ty./.

**TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA
CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC NGHỆ AN
PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH**



Nguyễn Ngọc Đức

Handwritten mark

MỤC LỤC TÀI LIỆU KÈM THEO PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

Phụ lục số	Danh mục
1	Quyết định cổ phần hóa doanh nghiệp
2	Quyết định thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa
3	Quyết định thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa
4	Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp
5	Quyết định phê duyệt phương án sử dụng đất
6	Danh sách người lao động đăng ký mua cổ phần ưu đãi, mua cổ phần cam kết (lâu dài và tay nghề cao)
7	Biên bản họp CBCNV bất thường điều chỉnh kế hoạch mua ưu đãi, cam kết và thông qua nội dung Phương án cổ phần hóa
8	Danh sách người lao động có tên trong Công ty tại thời điểm sắp xếp lại. (Mẫu số 1 – Ban hành kèm Thông tư số/ 2015/TT-BLĐTBXH ngày ... tháng ... năm 2015 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội)
9	Danh sách người lao động tiếp tục được sử dụng theo yêu cầu sản xuất, kinh doanh tại thời điểm sắp xếp lại (Mẫu số 2 – Ban hành kèm Thông tư số / 2015/TT-BLĐTBXH ngày ... tháng ... năm 2015 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội)
10	Danh sách người lao động nghỉ việc tại thời điểm sắp xếp lại (Mẫu số 3 – Ban hành kèm Thông tư số / 2015/TT-BLĐTBXH ngày ... tháng ... năm 2015 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội)
11	Tờ trình xin phê duyệt phương án giải quyết lao động dôi dư do sắp xếp lại công ty nhà nước (Mẫu số 4 – Ban hành kèm Thông tư số / 2015/TT-BLĐTBXH ngày ... tháng ... năm 2015 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội)
12	Tờ trình phương án giải quyết lao động dôi dư do sắp xếp công ty (Mẫu số 5 – Ban hành kèm Thông tư số / 2015/TT-BLĐTBXH ngày ... tháng ... năm 2015 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội)
13	Danh sách lao động nghỉ hưu trước tuổi và dự toán kinh phí chi trả tại thời điểm có quyết định nghỉ việc (Mẫu số 7 – Ban hành kèm Thông tư số / 2015/TT-BLĐTBXH ngày ... tháng ... năm 2015 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội)
14	Danh sách lao động dôi dư tuyển dụng trước ngày 21/04/1998 không đủ điều kiện, chấm dứt hợp đồng lao động và dự toán kinh phí chi nghỉ hưu trước tuổi và dự toán kinh phí chi trả tại thời điểm có quyết định nghỉ việc

15	<p>(Mẫu số 9 – Ban hành kèm Thông tư số .../ 2015/TT-BLĐTBXH ngày ... tháng ... năm 2015 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội)</p> <p>Danh sách lao động tuyển dụng từ ngày 21/04/1998 trở về sau thực hiện chấm dứt hợp đồng lao động tại thời điểm có quyết định nghỉ việc</p> <p>(Mẫu số 11 – Ban hành kèm Thông tư số .../ 2015/TT-BLĐTBXH ngày ... tháng ... năm 2015 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội)</p>
----	--